





CẬP NHẬT

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VIETINBANK

Quý I năm 2026

Bộ phận IR
Ban Thư ký HĐQT&QHCĐ

Tháng 5/2026



Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

05 PHỤ LỤC



Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

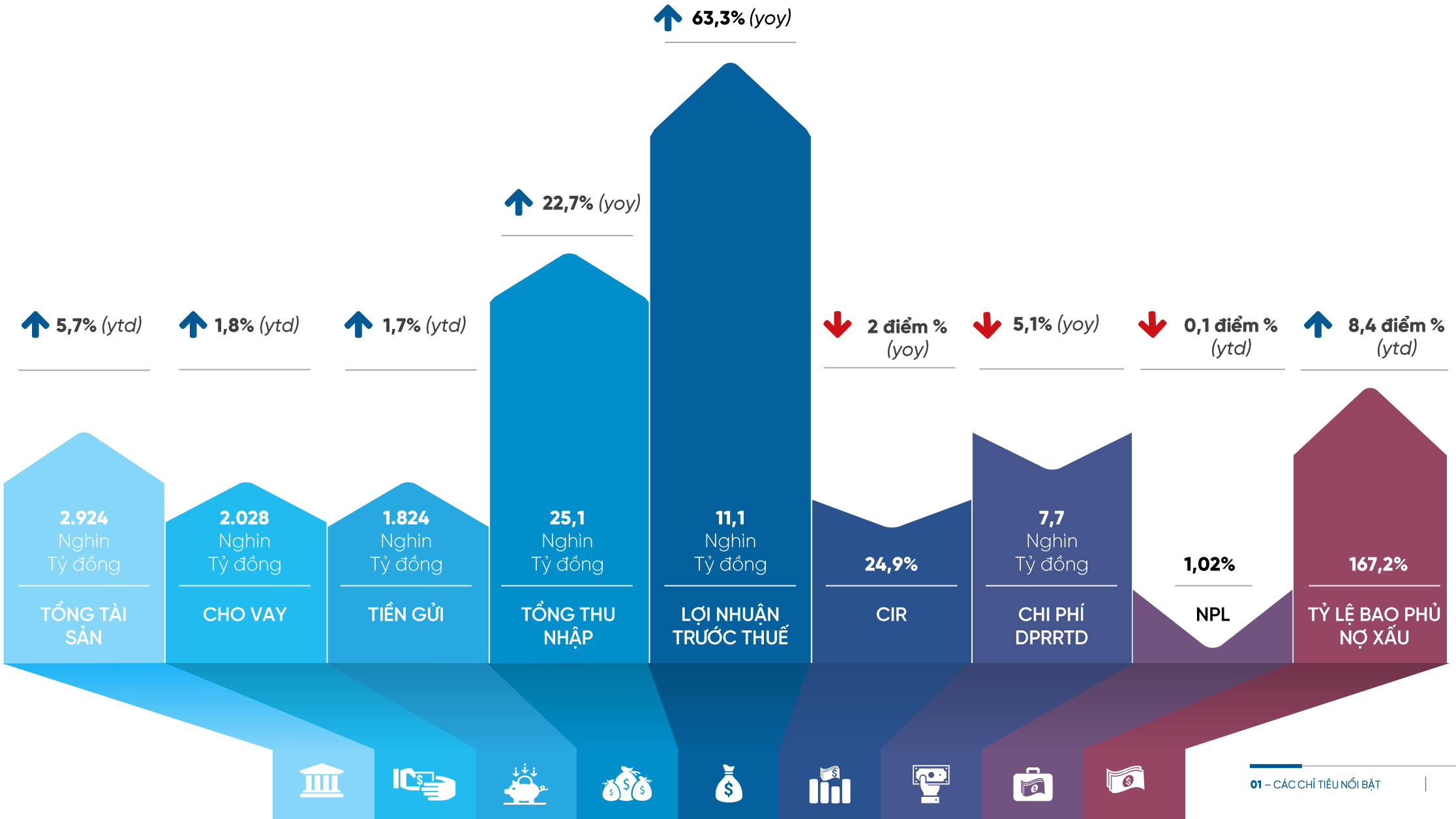
02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

05 PHỤ LỤC

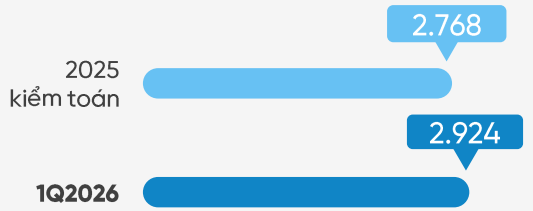
Hoạt động kinh doanh trong 1Q2026 đạt được nhiều kết quả tích cực





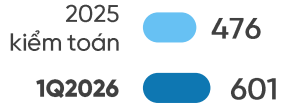
Tăng trưởng quy mô an toàn, hiệu quả

TỔNG TÀI SẢN *(Nghìn tỷ đồng)*



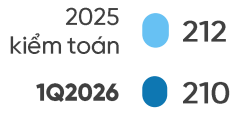
5,7% ↑
So với năm 2025

TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC* *(Nghìn tỷ đồng)*



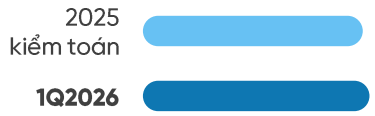
26,1% ↑
So với năm 2025

CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ* *(Nghìn tỷ đồng)*



-1,4% ↓
So với năm 2025

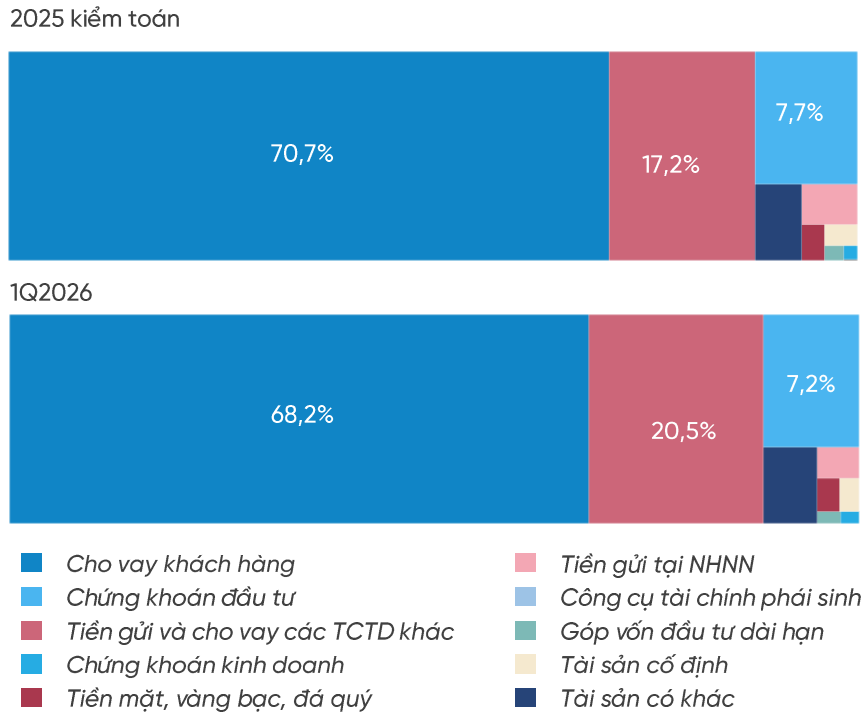
CHO VAY KHÁCH HÀNG* *(Nghìn tỷ đồng)*



1,8% ↑
So với năm 2025

*Ghi chú *: Số liệu trước dự phòng rủi ro.*

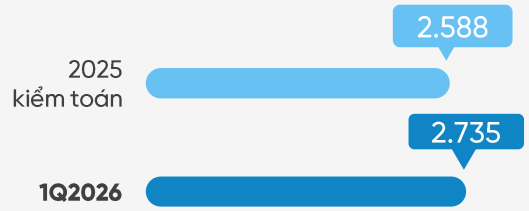
CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN *(%)*



Tính đến 31/3/2026, tổng tài sản của VietinBank đạt gần **2.924 nghìn tỷ đồng (+5,7% ytd).** Trong đó, khoản mục Tiền gửi và cho vay các TCTD khác **tăng 26,1% ytd**; Cho vay khách hàng **tăng 1,8% ytd**; Chứng khoán kinh doanh **tăng 21,7% ytd**; Tiền gửi NHNN **giảm 39,4% ytd.**

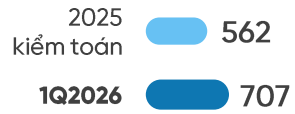
Tăng trưởng quy mô an toàn, hiệu quả

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ *(Nghìn tỷ đồng)*



5,7% ↑
So với năm 2025

CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN; TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC *(Nghìn tỷ đồng)*



25,8% ↑
So với năm 2025

PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ *(Nghìn tỷ đồng)*



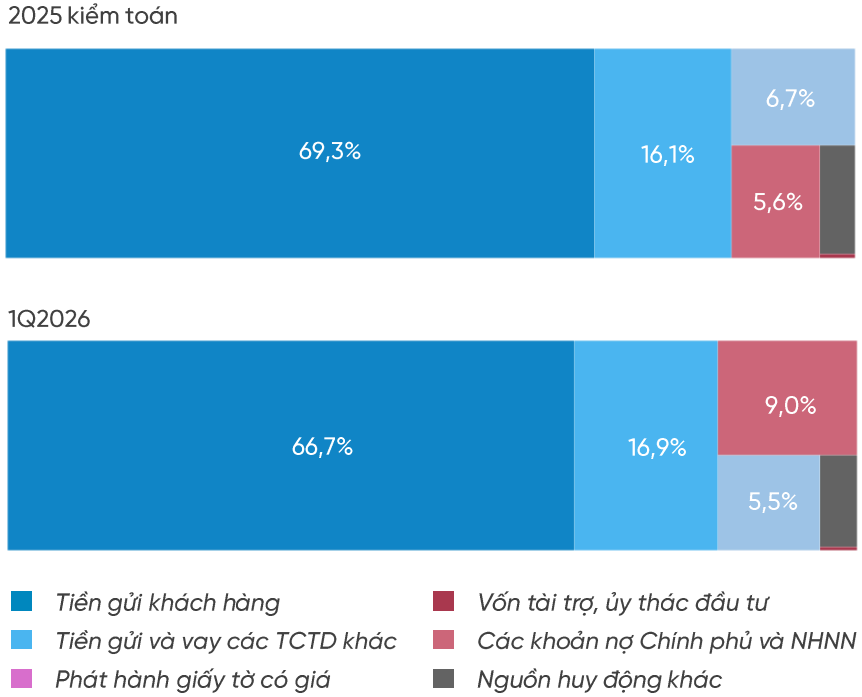
14,2% ↓
So với năm 2025

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG *(Nghìn tỷ đồng)*



1,7% ↑
So với năm 2025

CƠ CẤU TỔNG NỢ PHẢI TRẢ *(%)*

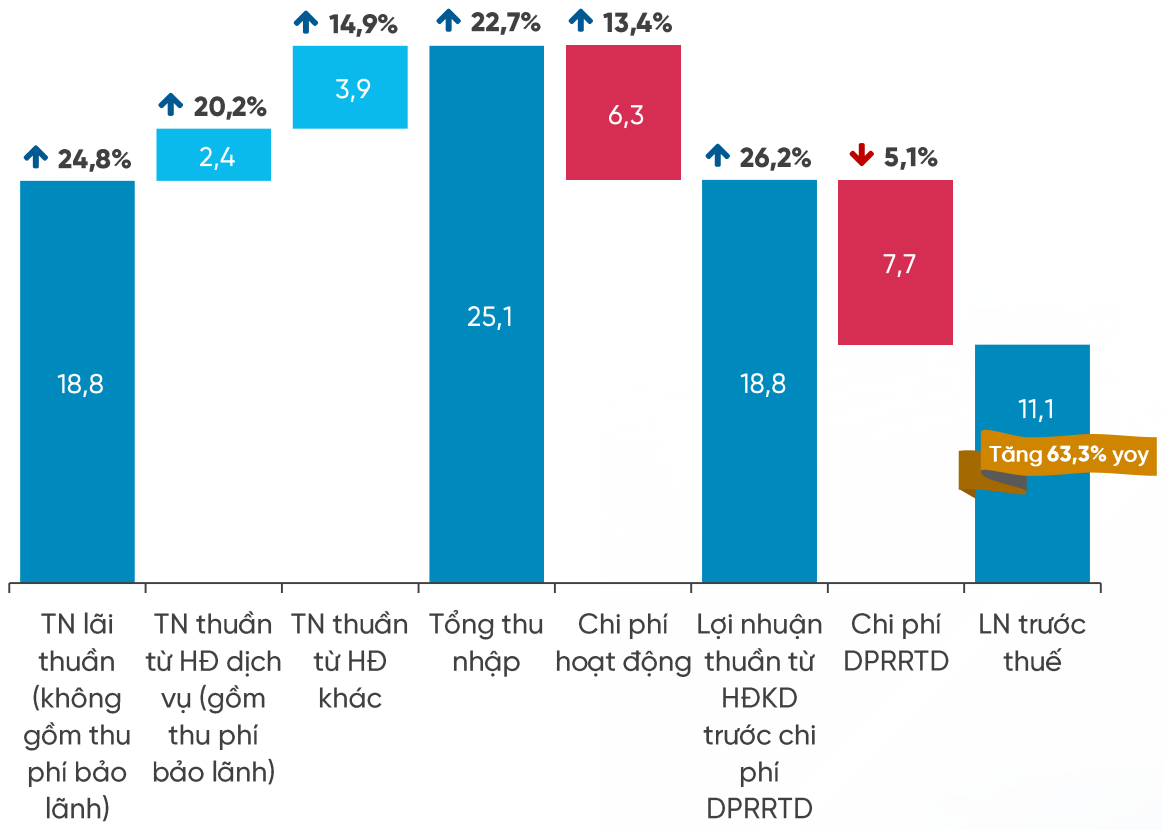


Tính đến 31/3/2026, Tổng nợ phải trả của VietinBank đạt **2.735 nghìn tỷ đồng (+5,7% ytd).** Trong đó, Tiền gửi của khách hàng đạt **1.824 nghìn tỷ đồng**, tăng **1,7% ytd**; Khoản mục Tiền gửi và vay các TCTD khác **tăng 10,7% ytd**; Các khoản nợ Chính phủ & NHNN **tăng 69,4% ytd**; Phát hành giấy tờ có giá **giảm 14,2% ytd.**



Lợi nhuận tăng trưởng tốt nhờ các nguồn doanh thu lõi tốt

CẤU PHẦN LỢI NHUẬN 1Q2026



↑↓ *Mức độ tăng giảm từng khoản mục trong 1Q2026 so với cùng kỳ năm 2025 (yoy)*

Tổng thu nhập hoạt động 1Q2026 đạt **25,1 nghìn tỷ đồng (+22,7% yoy)**. Trong đó:

- Thu nhập lãi thuần (không gồm thu phí bảo lãnh) 1Q2026 đạt **18,8 nghìn tỷ đồng (+24,8% yoy)** nhờ VietinBank đã chủ động tối ưu cơ cấu danh mục tín dụng đi đôi với kiểm soát rủi ro, ưu tiên tăng trưởng các ngành/lĩnh vực sản xuất ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) 1Q2026 đạt **2,4 nghìn tỷ đồng (+20,2% yoy)**, trong đó thu phí bảo lãnh và thu nhập thuần từ hoạt động thanh toán có sự tăng trưởng mạnh mẽ lần lượt là 41,1% và 38,2%.
- Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 1Q2026 đạt khoảng **2,2 nghìn tỷ đồng (+14,8% yoy).**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRRTD 1Q2026 đạt **18,8 nghìn tỷ đồng (+26,2% yoy), top đầu ngành ngân hàng.**

Chi phí DPRRTD 1Q2026 đạt **7,7 nghìn tỷ đồng (-5,1% yoy)** do VietinBank quản lý chất lượng nợ hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ nợ xấu.

Lợi nhuận trước thuế 1Q2026 đạt **11,1 nghìn tỷ đồng (+63,3% yoy)**, đạt **TOP 2 ngành ngân hàng.**



Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

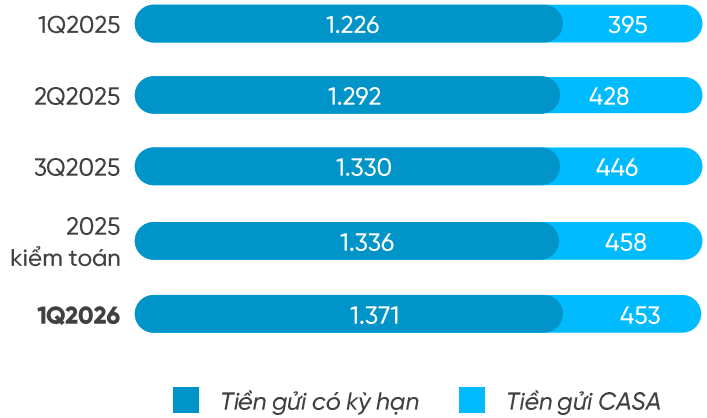
03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

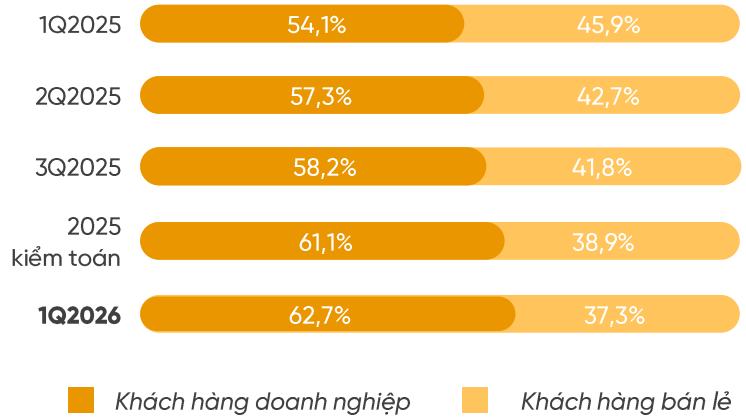
05 PHỤ LỤC

Nguồn vốn tăng trưởng phù hợp với định hướng cân đối vốn

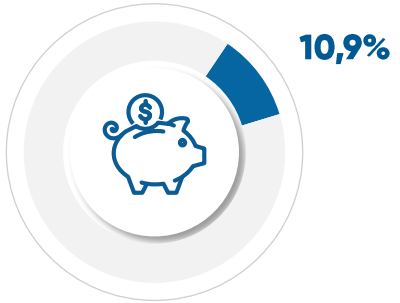
TIỀN GỬI THEO KỲ HẠN *(Nghìn tỷ đồng)*



NGUỒN VỐN CASA THEO PHÂN KHÚC

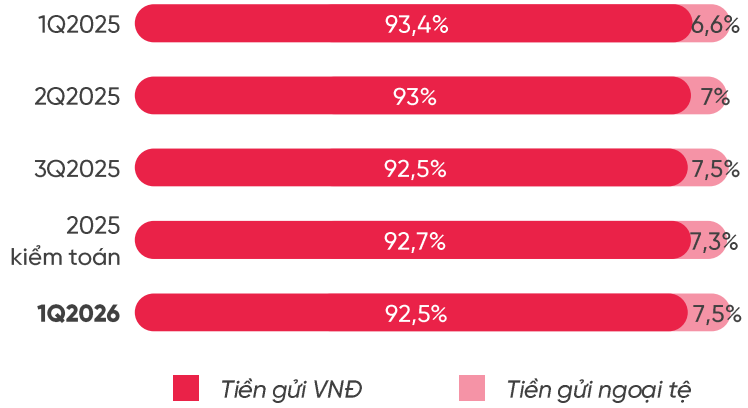


THỊ PHẦN TIỀN GỬI

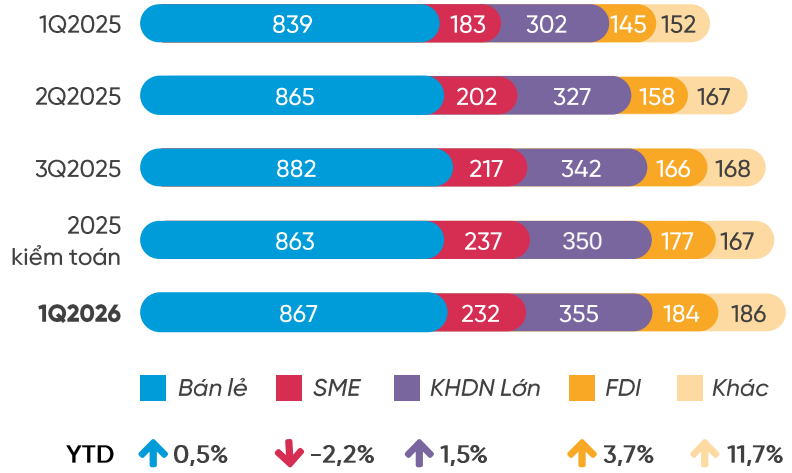


(Tại thời điểm 30/09/2025, Nguồn: NHNN)

TIỀN GỬI THEO ĐỒNG TIỀN



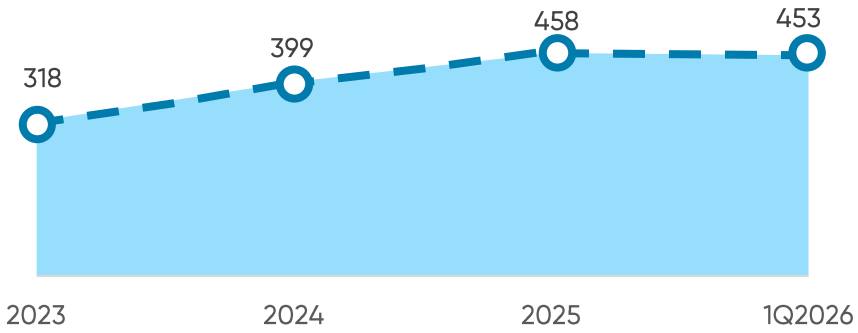
TIỀN GỬI THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG* *(Nghìn tỷ đồng)*



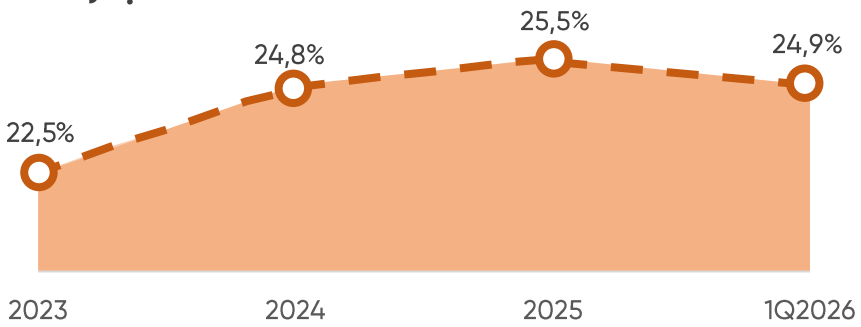
- Tiền gửi khách hàng tính đến 31/3/2026 **tăng 1,7% ytd**, tăng ở phân khúc FDI, KHDN lớn và bán lẻ trong khi phân khúc SME giảm.
- Tiền gửi phân khúc FDI có sự tăng trưởng tốt nhất trong 1Q2026 **(tăng 3,7% ytd)**.

Cơ cấu nguồn vốn CASA

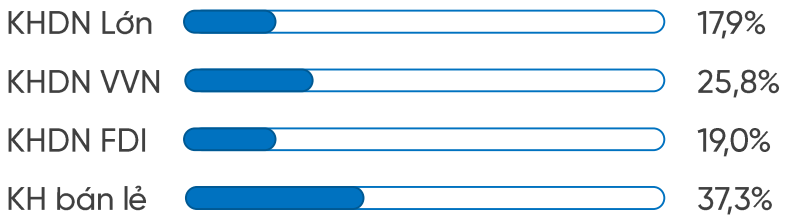
Quy mô CASA *(nghìn tỷ đồng)*



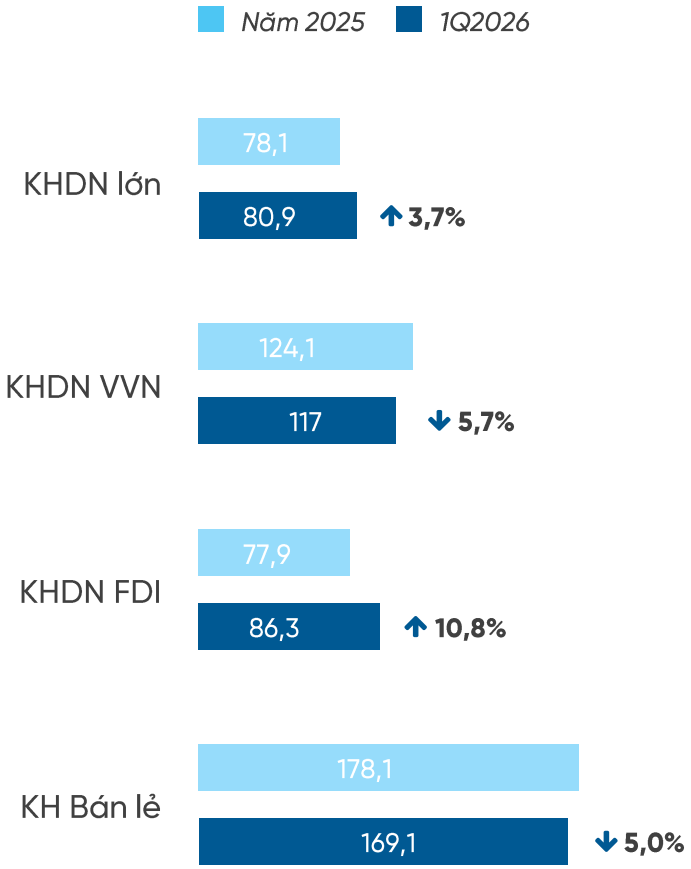
Tỷ lệ CASA *(%)*



Cơ cấu CASA theo phân khúc cuối 1Q2026



CASA theo phân khúc *(nghìn tỷ đồng)*



Giải pháp tăng trưởng CASA

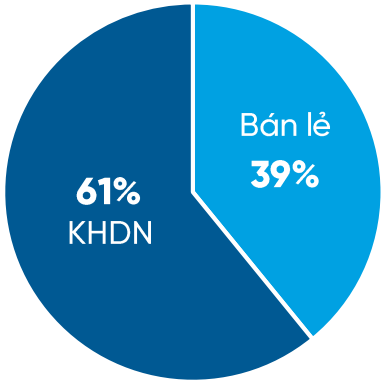
Ưu tiên phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao và tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

Triển khai hiệu quả chiến dịch thu hút khách hàng mới sử dụng eFAST và IPAY, mở tài khoản thông qua eKYC.

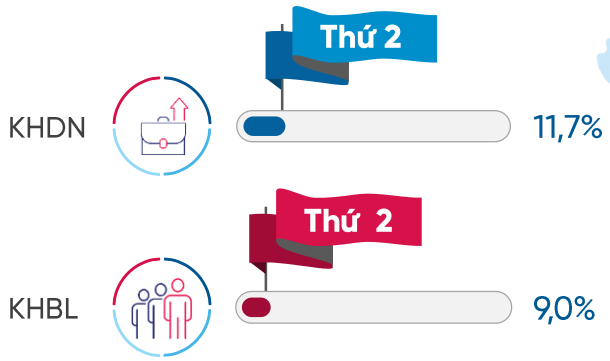
Thúc đẩy công tác mở rộng phát triển khách hàng, tăng cường phát triển khách hàng hộ kinh doanh và gia tăng doanh số thanh toán qua hệ thống VietinBank, đồng thời đẩy mạnh thu hút quan hệ với tệp khách hàng ưu tiên

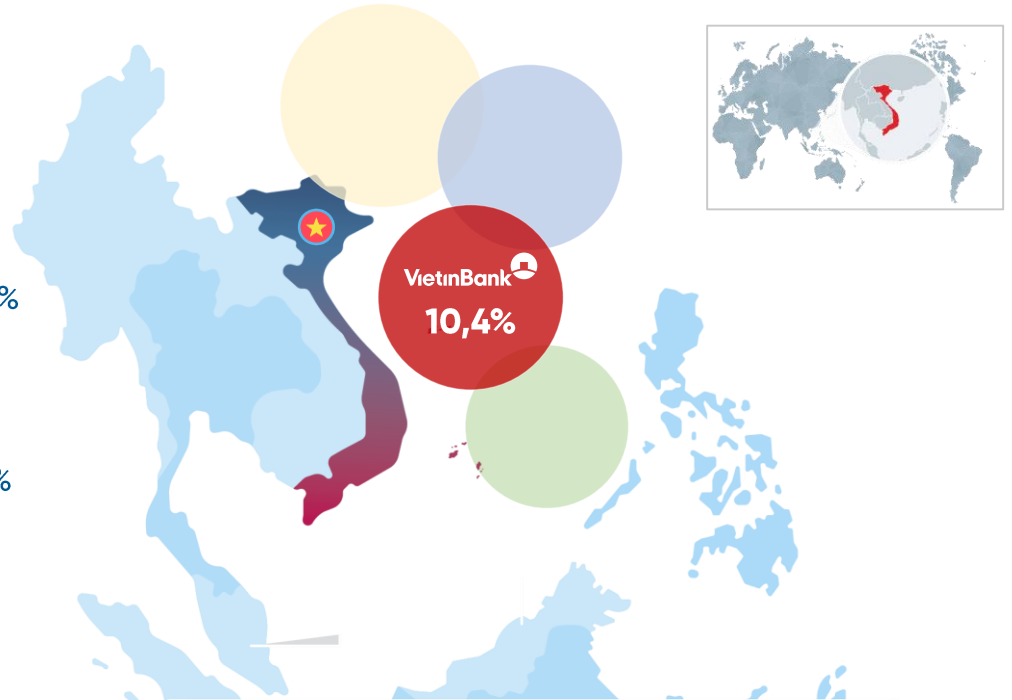
Cơ cấu dư nợ chung của VietinBank

CƠ CẤU DƯ NỢ THEO PHÂN KHÚC



THỊ PHẦN THEO PHÂN KHÚC





CƠ CẤU DƯ NỢ THEO MỤC ĐÍCH

84,3%

SXKD: xây dựng, thương mại dịch vụ, linh kiện, năng lượng, BĐS...

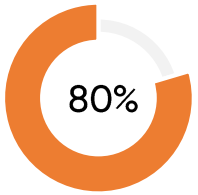
15,7%

Nhu cầu tiêu dùng: mua nhà, xe hơi, khác

CƠ CẤU DƯ NỢ THEO NGÀNH NGHỀ



BĐS (KHDN, bán lẻ)



Các hoạt động SXKD, xây lắp, điện, năng lượng, lương thực, chế biến, tiêu dùng...

Danh mục tín dụng **ít phụ thuộc vào BĐS, tập trung cho hoạt động SXKD,** gắn với tăng trưởng GDP

Đã được cấu trúc từ sớm, phù hợp với các ngành sẽ được hưởng lợi từ chu kỳ tăng trưởng mới

Dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng và cơ cấu tiếp tục chuyển dịch tích cực

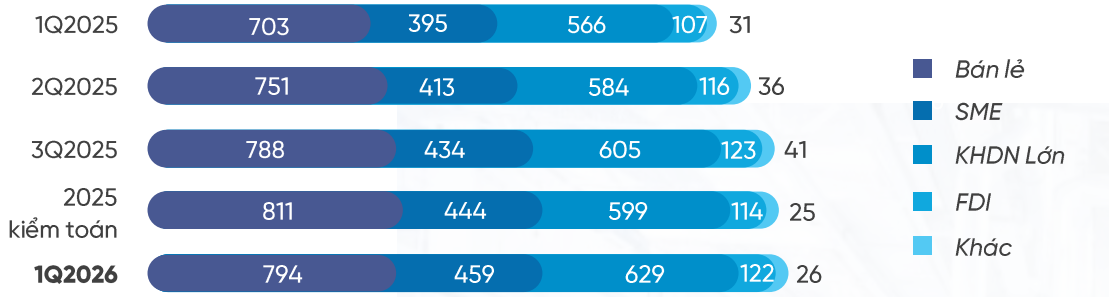
BÁN LẺ
794
Nghìn tỷ đồng
2,1%
So với năm 2025

SME
459
Nghìn tỷ đồng
3,4%
So với năm 2025

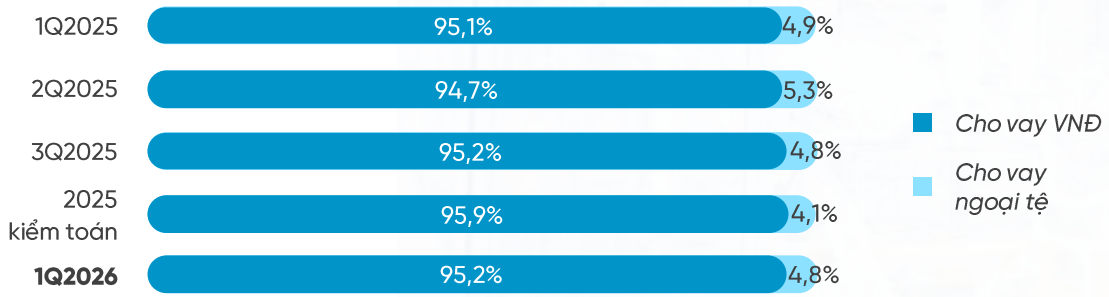
KHDN LỚN
629
Nghìn tỷ đồng
5,1%
So với năm 2025

FDI
122
Nghìn tỷ đồng
6,3%
So với năm 2025

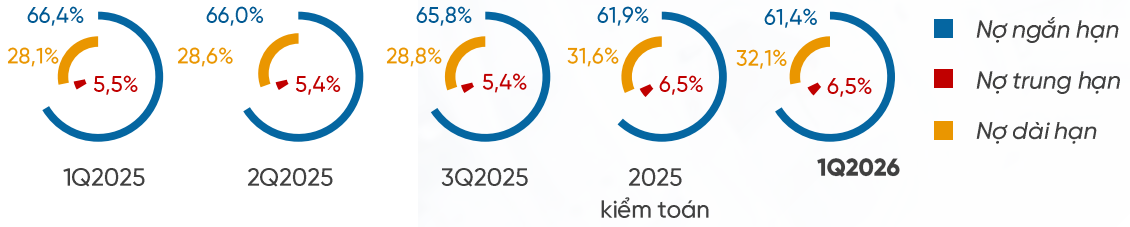
CHO VAY THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG *(Nghìn tỷ đồng)*



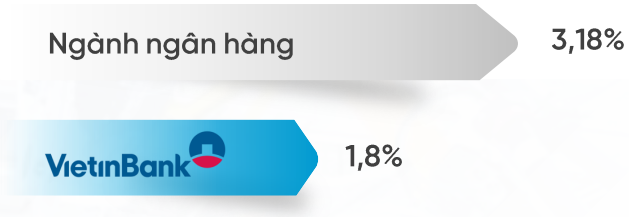
CHO VAY THEO ĐỒNG TIỀN



CHO VAY THEO KỲ HẠN



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG 1Q2026

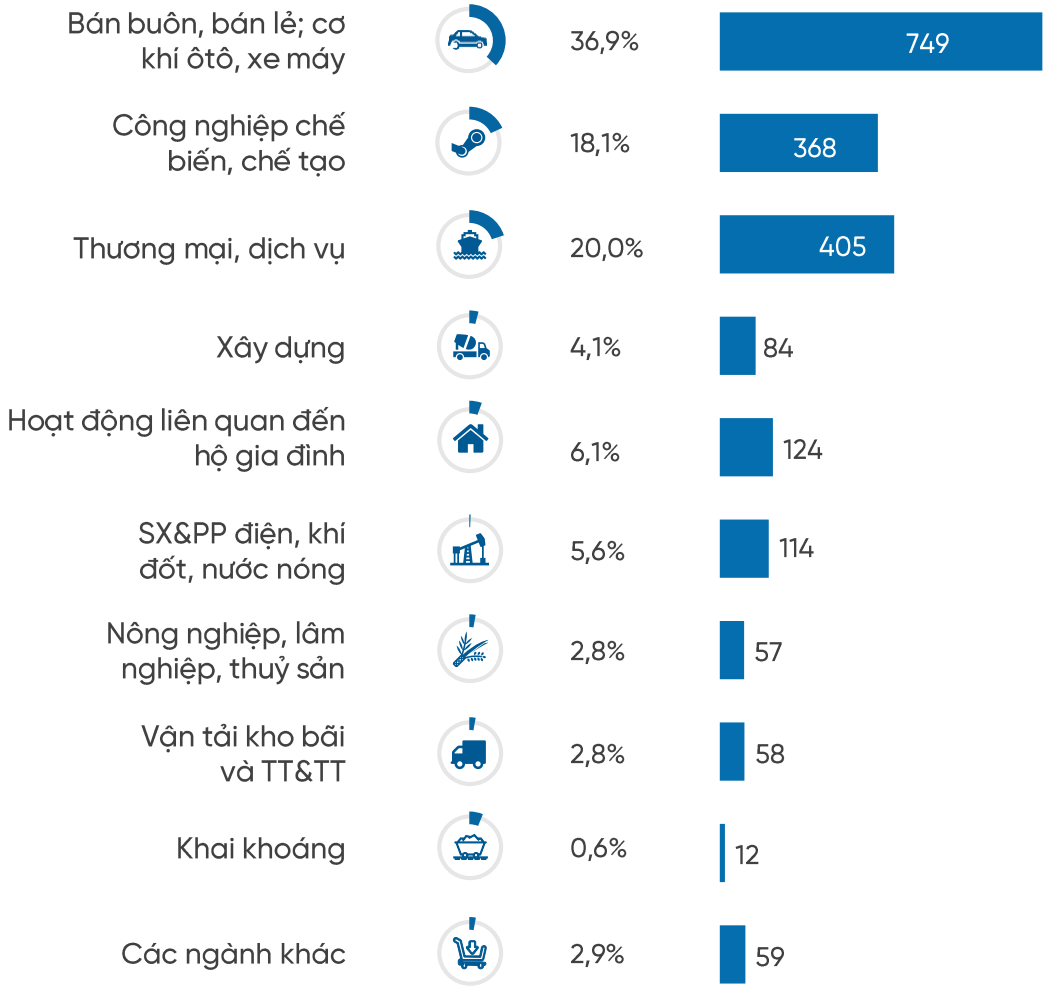


Dư nợ tín dụng đến 31/3/2026 **tăng 1,8% yoy,** tăng ở các phân khúc KHDN trong khi phân khúc bán lẻ giảm nhẹ. Các lĩnh vực, ngành nghề có thu hút nhiều dòng vốn như: thức ăn chăn nuôi, điện, dầu khí, dệt may, da giày, viễn thông, vận tải, thực phẩm đồ uống, cà phê, nhựa, giấy....

Tăng trưởng dư nợ vào các ngành nghề, lĩnh vực theo định hướng

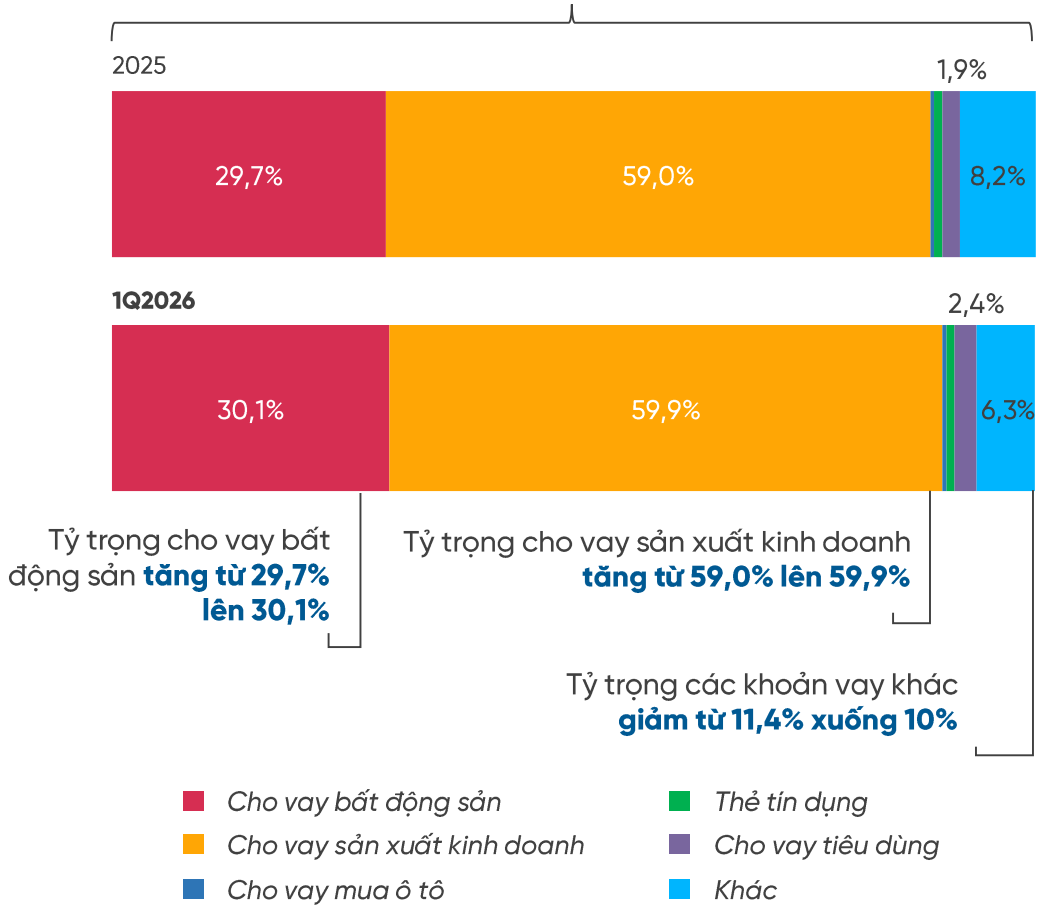
CHO VAY THEO NGÀNH NGHỀ (31/03/2026)

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



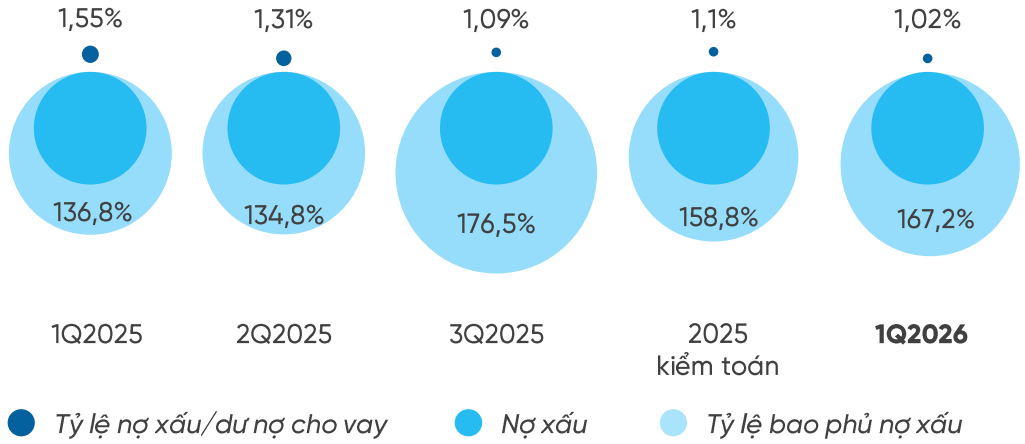
CHO VAY CÁ NHÂN THEO SẢN PHẨM

Cho vay sản xuất kinh doanh và cho vay bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cho vay cá nhân **(khoảng 90%).**

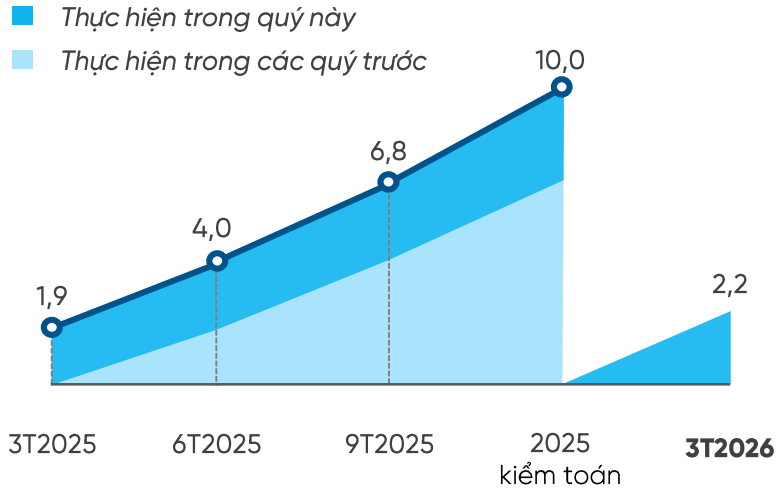


Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng

TỶ LỆ NỢ XẤU VÀ TỶ LỆ BAO PHỦ NỢ XẤU



THU HỒI NỢ XẤU ĐÃ XỬ LÝ RỦI RO *(Nghìn tỷ đồng)*



VietinBank

- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay tại 31/3/2026 ở mức **1,02%**, giảm so với cuối năm 2025. Nợ xấu tập trung ở một số ngành chịu tác động tiêu cực từ khó khăn của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước như: tiêu dùng, nông nghiệp, xây dựng cơ bản... Tỷ lệ bao phủ nợ xấu 1Q2026 là **167,2%**.
- Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 1Q2026 đạt khoảng **2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8% yoy.**
- Trong năm 2026, VietinBank sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhận diện rủi ro, kiểm soát nợ xấu, tăng cường thu hồi xử lý nợ và **kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ≤ 1,8%.**

Danh mục đầu tư linh hoạt, an toàn



Danh mục đầu tư tại thời điểm 31/03/2026 đạt **818,4 nghìn tỷ đồng (+17,5% yoy)**.

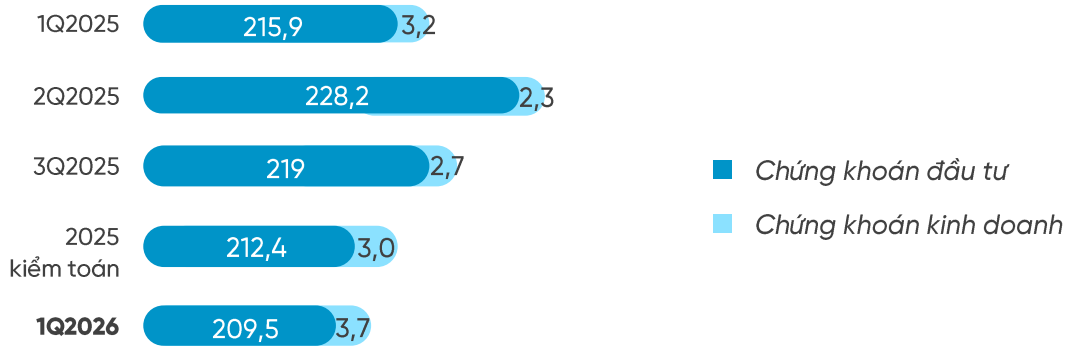
Trong đó:

- Danh mục Chứng khoán đầu tư **đạt 209,5 nghìn tỷ đồng, giảm 1,4% yoy**.
- Danh mục Chứng khoán kinh doanh **đạt 3,7 nghìn tỷ đồng, tăng 20,7% yoy.**

CƠ CẤU DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI 31/03/2026



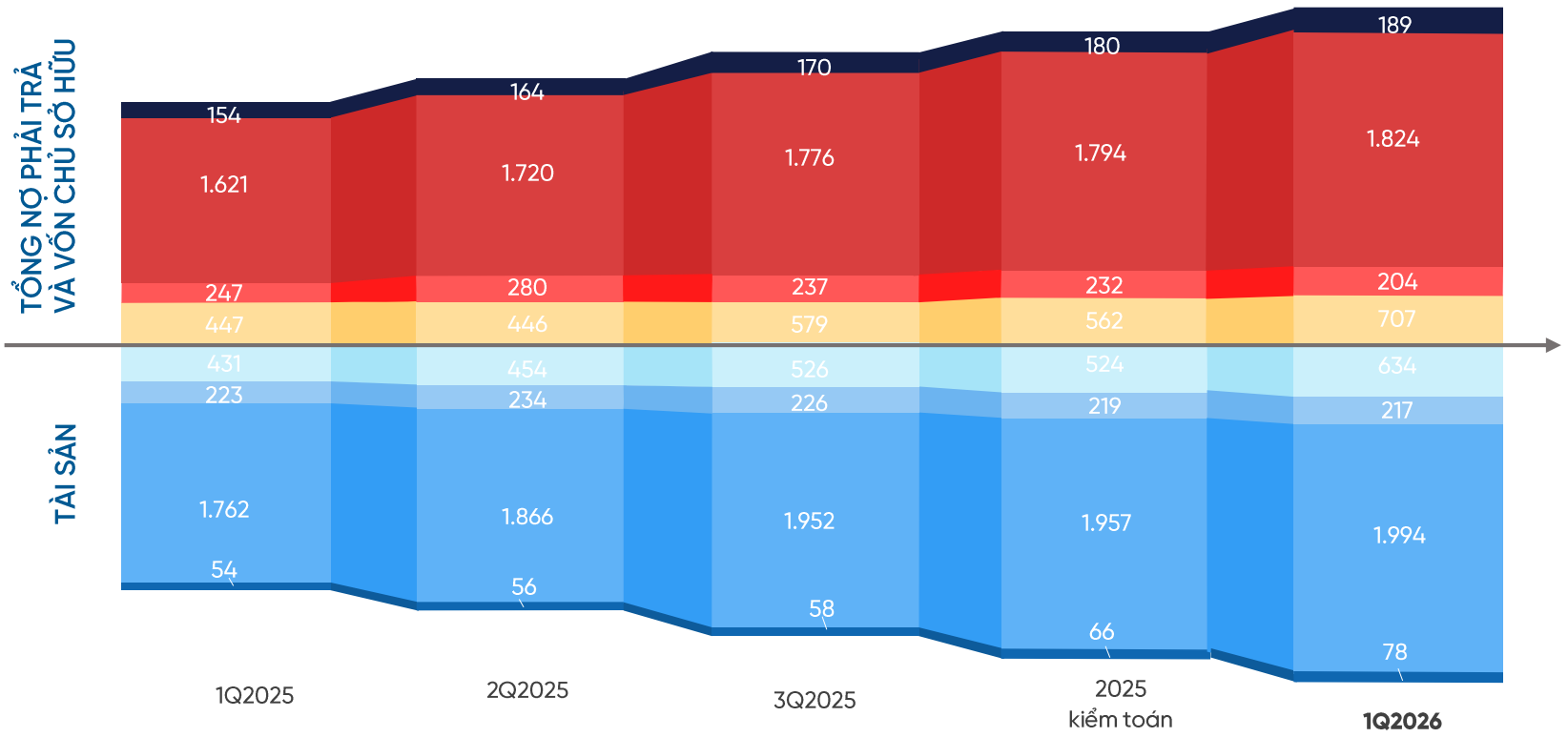
DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN *(Nghìn tỷ đồng)*



Ghi chú: Danh mục đầu tư không bao gồm dự phòng rủi ro.

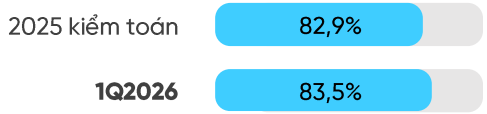
Thanh khoản tiếp tục được kiểm soát tốt

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

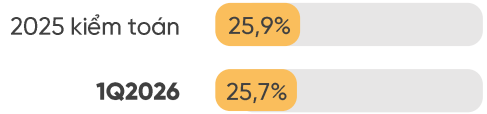


- *Vốn và các quỹ*
- *Tiền gửi khách hàng*
- *Công cụ tài chính phái sinh, vốn tài trợ, ủy thác; phát hành GTCG; khác*
- *Các khoản nợ Chính phủ, NHNN; tiền gửi và vay các TCTD khác*
- *Tiền, chứng từ có giá, vàng...*
- *Chứng khoán kinh doanh, đầu tư, phái sinh, góp vốn đầu tư*
- *Cho vay khách hàng*
- *Tài sản cố định và tài sản khác*

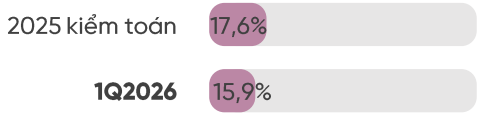
TỶ LỆ LDR



TỶ LỆ VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN



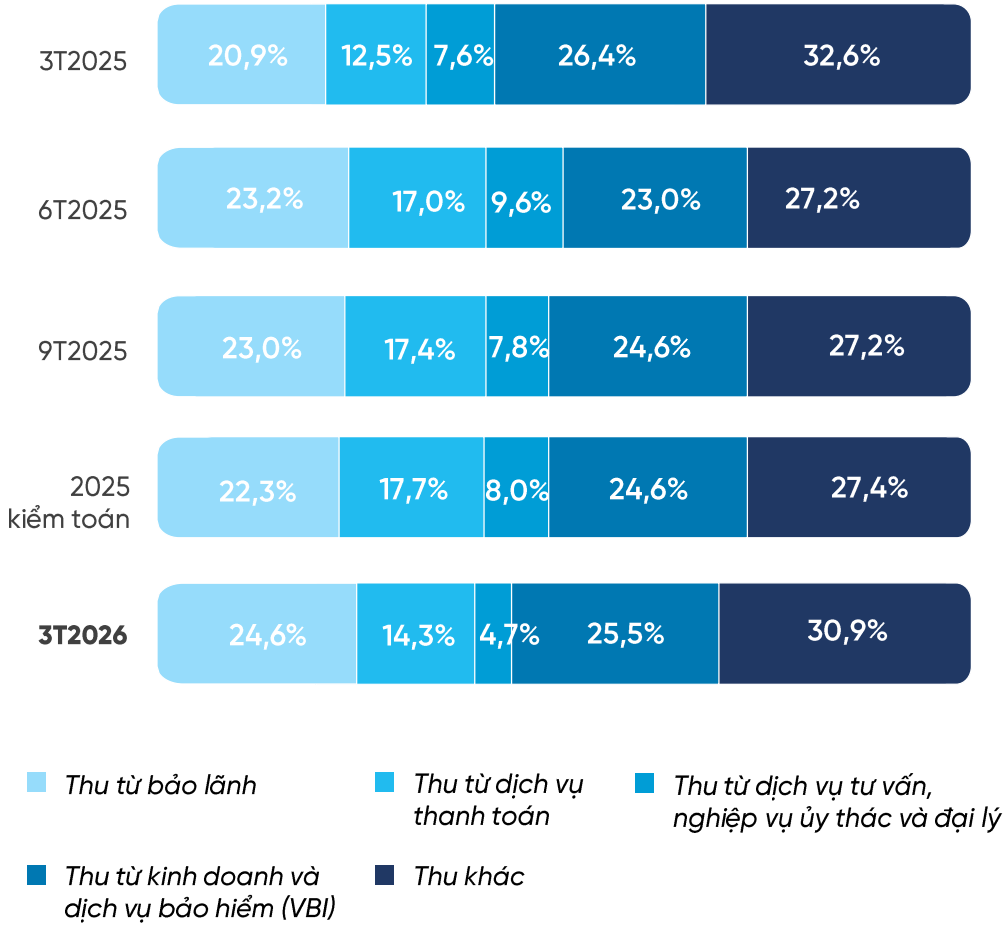
TỶ LỆ DỰ TRỮ THANH KHOẢN



VietinBank luôn kiểm soát tốt các **tỷ lệ thanh khoản ở mức an toàn và tuân thủ theo các quy định của NHNN.**

Cơ cấu thu phí có sự chuyển dịch tích cực

CƠ CẤU CÁC KHOẢN THU THUẦN PHÍ DỊCH VỤ



THỊ PHẦN CỦA VIETINBANK TẠI MỘT SỐ MẢNG KINH DOANH (1Q2026)



15,3%	10 – 12%	13 – 14,5%	14,9%
Thanh toán xuất nhập khẩu	Kinh doanh ngoại tệ trên TT2	Kinh doanh ngoại tệ trên TT1	Doanh số thanh toán thẻ

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) 1Q2026 đạt **2,4 nghìn tỷ đồng (+20,2% yoy)**.

Trong đó:

- Thu phí bảo lãnh 1Q2026 đạt **601 tỷ đồng (+41,1% yoy).**
- Thu nhập thuần từ hoạt động thanh toán **350 tỷ đồng (+38,2% yoy).**

Chi phí hoạt động ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí nhân viên
↑ **16,5%** *(yoy)*

3,9 *nghìn tỷ đồng*

83% Chi lương và phụ cấp

17% Chi khác cho CBNV

Chi phí tài sản
↑ **4,0%** *(yoy)*

0,7 *nghìn tỷ đồng*

46,3% Khấu hao TSCĐ

53,7% Chi khác về TSCĐ

Chi phí quản lý công vụ
↑ **14,9%** *(yoy)*

1,3 *nghìn tỷ đồng*

2,9% Công tác phí

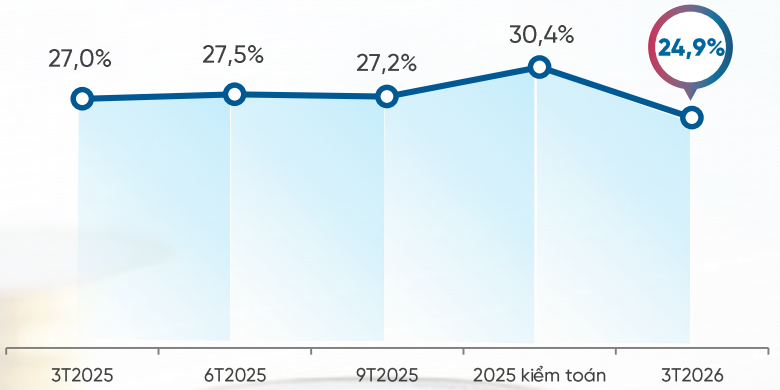
97,1% Chi khác

Chi phí khác
↓ **3,2%** *(yoy)*

0,3 *nghìn tỷ đồng*

96,5% Chi bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi

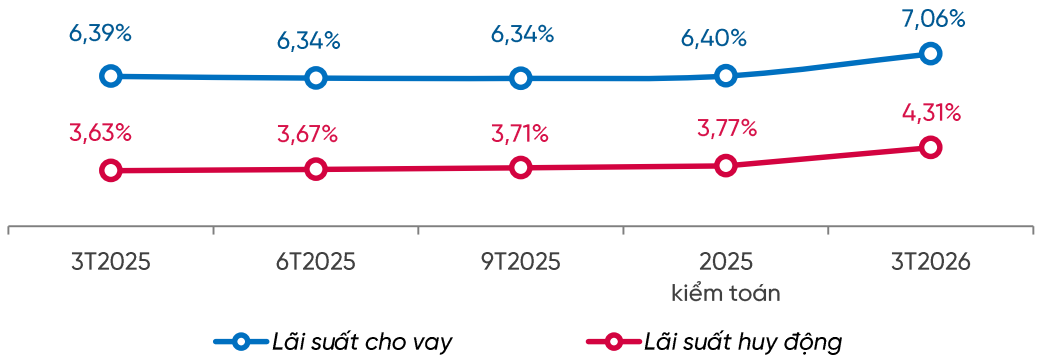
TỶ LỆ CIR LŨY KẾ



Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục nâng cao, ưu tiên chi phí cho hoạt động kinh doanh, chuyển đổi số, các dự án trọng điểm như nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng nhân sự để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của ngân hàng. **Tỷ lệ CIR của VietinBank 1Q2026 đạt 24,9%**, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025.

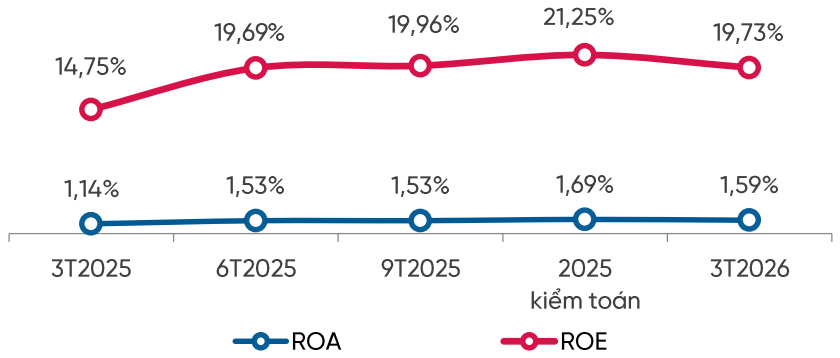
Hiệu quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng bền vững

LÃI SUẤT CHO VAY VÀ HUY ĐỘNG



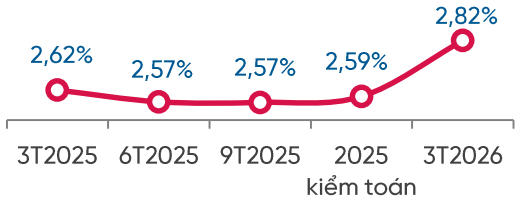
Trong bối cảnh thanh khoản ngân hàng gặp nhiều khó khăn, mặt bằng lãi suất thời gian qua tiếp tục tăng, gây áp lực lên chi phí huy động vốn của các ngân hàng.

ROA, ROE

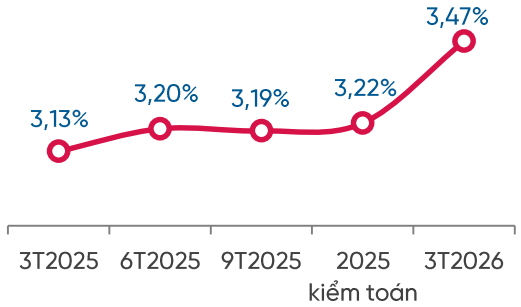


ROA, ROE của VietinBank 1Q2026 so với cùng kỳ năm 2025, lần lượt đạt **1,59% và 19,73%.**

NIM



COF



- NIM của VietinBank 1Q2026 đạt **2,82%,** tăng so với cùng kỳ năm 2025.
- Tỷ lệ COF 1Q2026 là **3,47%,** tăng so với cùng kỳ năm 2025.

CÁC BIỆN PHÁP CẢI THIỆN NIM

- **Tăng hiệu suất sinh lời của tài sản**: ưu tiên nguồn lực, tập trung cho vay đối với tập khách hàng mang lại hiệu quả cao là SME, Bán lẻ, đẩy mạnh tăng trưởng cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh.
- **Kiểm soát chi phí vốn** thông qua công tác thu hút, gia tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn ngắn ngày, tiền gửi ngoại tệ.

Công nghệ và một số dấu mốc qua các năm

Năm 2017
Corebanking, EDW
và các hệ thống công nghệ hiện đại SOA, LOS... giúp đi đầu về hạ tầng công nghệ

Năm 2018
Open API
Số lượng giao dịch qua API chiếm **~25%** trên các kênh

Năm 2019
Chatbot
Đã có **20** chatbot nội bộ, **01** chatbot với khách hàng và chuẩn bị triển khai voicebot

Năm 2020
Kiosk sinh trắc học
Đã có **53** CN sử dụng, thu thập hơn **4** triệu dữ liệu số tài khoản của khách hàng

Năm 2021 – eKYC, FacePAY, Robotics Process Automation
Quy trình cầm cố sổ tiết kiệm giảm **65%** thời gian tác nghiệp

Năm 2024
Hành trình chuyển đổi số
Gắn liền kế hoạch kinh doanh trung hạn MTBP 2024 – 2026. Triển khai **45** sáng kiến CĐS, đầu tư công nghệ DataLake, GenAI...

Năm 2025
Tăng tốc chuyển đổi số mạnh mẽ
Hơn 90 sáng kiến được triển khai, đóng góp trực tiếp vào kết quả kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tăng năng suất lao động và thúc đẩy chuyển dịch kênh

Năm 2026
Làm chủ năng lực chuyển đổi số
Dự kiến cơ bản hoàn thành **108** sáng kiến và tiếp tục bổ sung sáng kiến mới

Đẩy mạnh các giải pháp phát triển phân khúc bán lẻ, nâng cao cạnh tranh, thị phần



Hơn **200** tính năng, tiện ích được tích hợp trong VietinBank iPay, giúp người dùng tận hưởng cuộc sống trọn vẹn, tối ưu nhất theo tiêu chí *"All in one"*

Hơn **6.000** nhà cung cấp đã kết nối, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng *"Vạn tính năng, trăm tiện ích"*.

Tỷ trọng giao dịch qua iPay so với tổng giao dịch khách hàng bán lẻ



SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG iPAY

Đơn vị: Triệu khách hàng



↑ 4,0%
So với cuối năm 2025

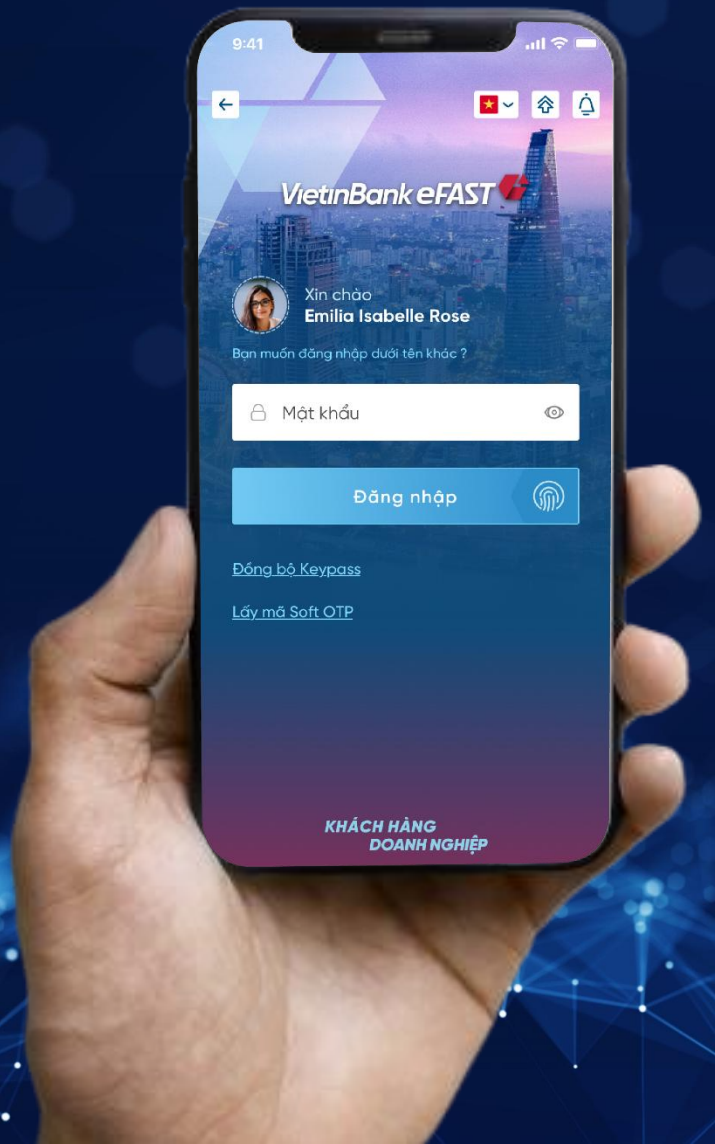
SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH iPAY

Đơn vị: Triệu giao dịch



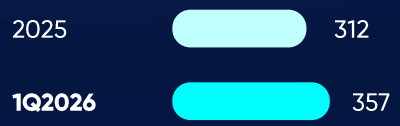
↑ 99,1%
So với cùng kỳ năm 2025

Đẩy mạnh các giải pháp phát triển phân khúc KHDN, nâng cao cạnh tranh, thị phần



SỐ LƯỢNG KH TỔ CHỨC SỬ DỤNG eFAST

Đơn vị: Nghìn khách hàng



↑ 12,6%
So với cuối năm 2025

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

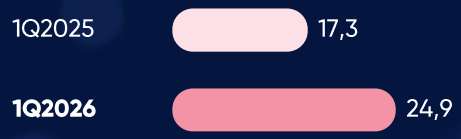
Đơn vị: Triệu tỷ đồng



↑ 86%
So với cùng kỳ năm 2025

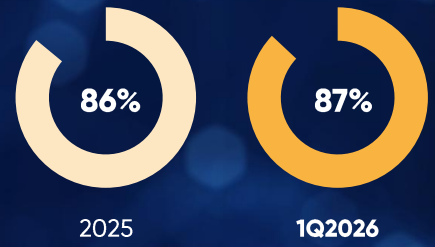
SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

Đơn vị: Triệu giao dịch



↑ 44,3%
So với cùng kỳ năm 2025

TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA KÊNH SỐ CỦA KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Các hoạt động phát triển bền vững tại VietinBank

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI

- Ban hành sản phẩm tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.
- Hoàn thành ký kết MOU với 06 đối tác tham gia triển khai thí điểm sản phẩm cho vay liên kết bền vững.
- Thảo luận với MUFG về cấu trúc tài trợ dự án xanh theo nguồn vốn của JICA.



SÁT CÁNH CÙNG DOANH NGHIỆP

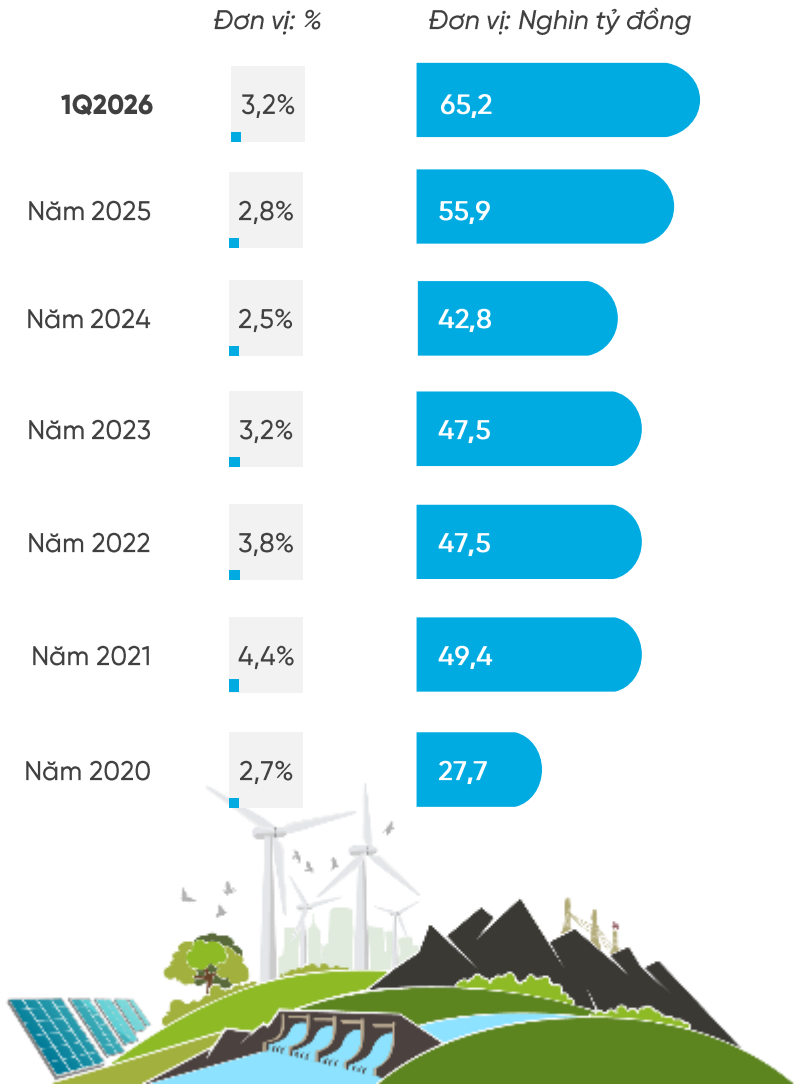
- VietinBank tiếp tục triển khai **Gói tài chính xanh GREEN UP trị giá 5.000 tỷ đồng với lãi suất và phí ưu đãi.**
- **Tiên phong phát triển danh mục sản phẩm toàn diện cho PTBV**, từ các lĩnh vực huy động vốn, tín dụng xanh... cho đến tư vấn ESG.

THỰC HÀNH ESG

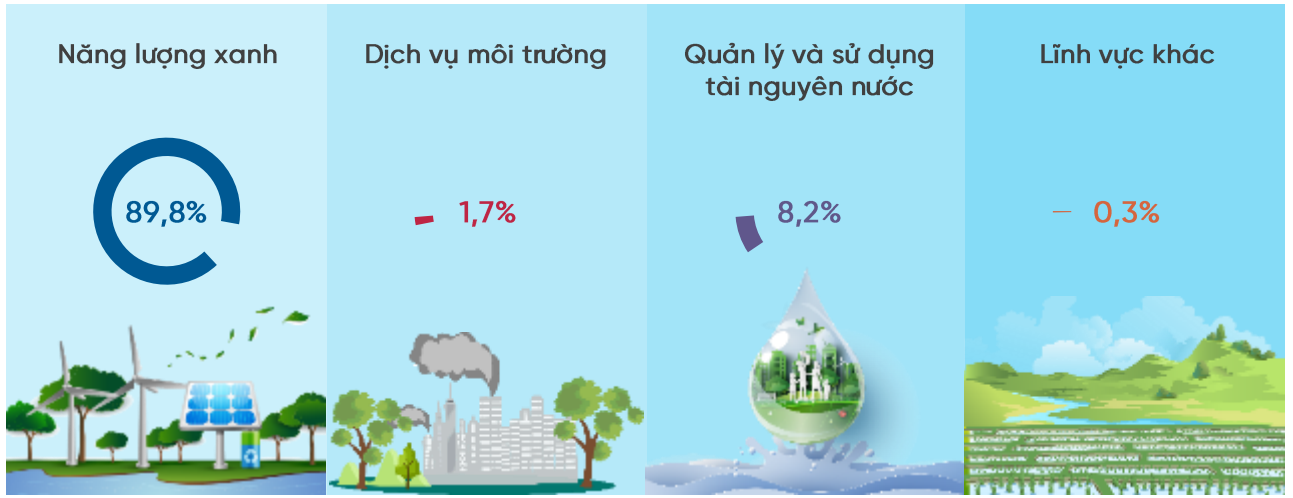
Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; tiên phong trong công tác an sinh xã hội, thiện nguyện; thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, người lao động....

Thúc đẩy các dự án xanh, thân thiện môi trường để hướng tới sự phát triển bền vững

TÍN DỤNG TÀI TRỢ DỰ ÁN XANH QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU TÍN DỤNG TÀI TRỢ DỰ ÁN XANH TẠI 1Q2026 (*)



- Tín dụng tài trợ dự án xanh của VietinBank cuối 1Q2026 đạt **65,2 nghìn tỷ đồng, tăng 16,7% yoy, chiếm 3,2% tổng dư nợ tín dụng của VietinBank.**
- **Gần 600 khách hàng** đang phát sinh dư nợ tín dụng trong các lĩnh vực phát triển bền vững.
- VietinBank là doanh nghiệp niêm yết **5 năm** liên tiếp lọt vào rổ Chỉ số Phát triển bền vững (VNSI), **3 năm** là Top 10 doanh nghiệp bền vững (CSI), hoàn thành Khung Tài chính Bền vững theo thông lệ quốc tế.

*Ghi chú *: Số liệu lấy theo hướng dẫn tại Công văn số 2358/NHNN-TD ngày 30/3/2026 của NHNN.*

CHỈ TIÊU QUY MÔ

Tổng tài sản đạt **2.924** nghìn tỷ đồng, **tăng 5,7% ytd**.

Dư nợ cho vay đạt **2.028 nghìn tỷ đồng**, **tăng 1,8% ytd**, tăng ở các phân khúc KHDN trong khi phân khúc bán lẻ giảm.

Tiền gửi khách hàng đạt **1.824** nghìn tỷ đồng, **tăng 1,7% ytd**; trong đó nguồn vốn CASA đạt **453** nghìn tỷ đồng, tỷ trọng chiếm **24,9%**.

CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ

Tổng thu nhập hoạt động 1Q2026 đạt **25,1** nghìn tỷ đồng, **tăng 22,7% yoy, Top đầu ngành ngân hàng.**

Lợi nhuận trước thuế 1Q2026 đạt **11,1** nghìn tỷ đồng, **tăng 63,3% yoy, Top 2 ngành ngân hàng.**

ROE 1Q2026 cải thiện so với cùng kỳ năm 2025, **đạt 19,73%.**

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay cuối 1Q2026 ở mức **1,02%**, giảm so với cuối năm 2025 do chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức **167,2%**, tiếp tục củng cố bộ đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của ngân hàng trong tương lai.

Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 1Q2026 đạt khoảng **2,2** nghìn tỷ đồng, **tăng 14,8% yoy**.



Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

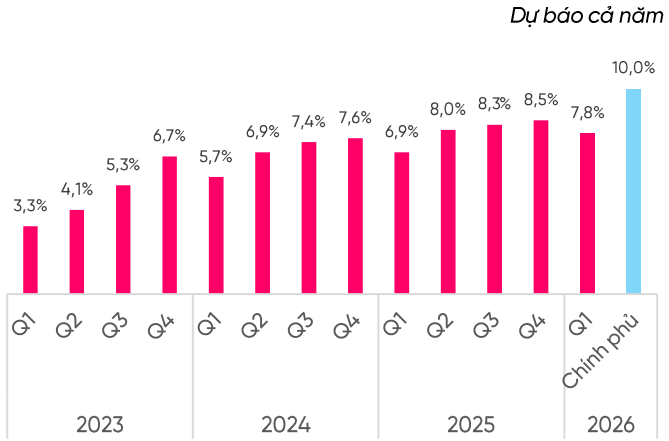
03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

05 PHỤ LỤC

Kinh tế Việt Nam tiếp đà tăng trưởng, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao

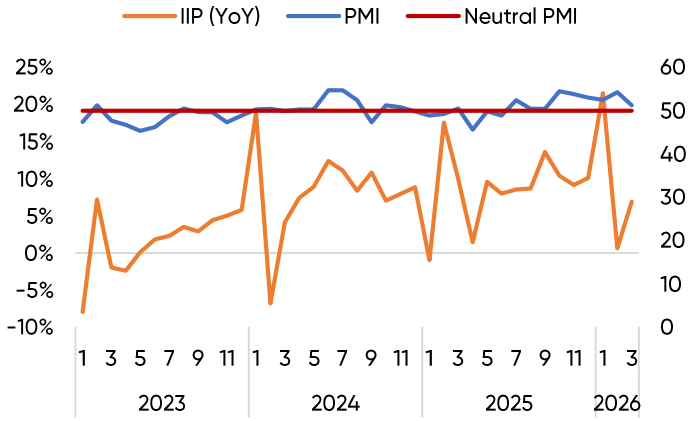
TĂNG TRƯỞNG GDP



GDP 1Q2026 **tăng 7,83% yoy** (cùng kỳ tăng 7,07%). Đóng góp lớn nhất vào GDP 1Q2026 đến từ khu vực dịch vụ với 3,94 điểm % (+8,18% yoy), công nghiệp và xây dựng với 3,45 điểm % (+8,92% yoy), nông lâm nghiệp với 0,44 điểm % (+3,58% yoy).

Trong những tháng cuối năm 2026, động lực đóng góp vào sự tăng trưởng đến từ công nghiệp chế biến, chế tạo; xuất khẩu; điện tử, dệt may, sản xuất kim loại.... Bên cạnh những điểm sáng, một số động lực tăng trưởng chưa đồng đều và chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như: xây dựng, vận tải, dịch vụ lưu trú và ăn uống...

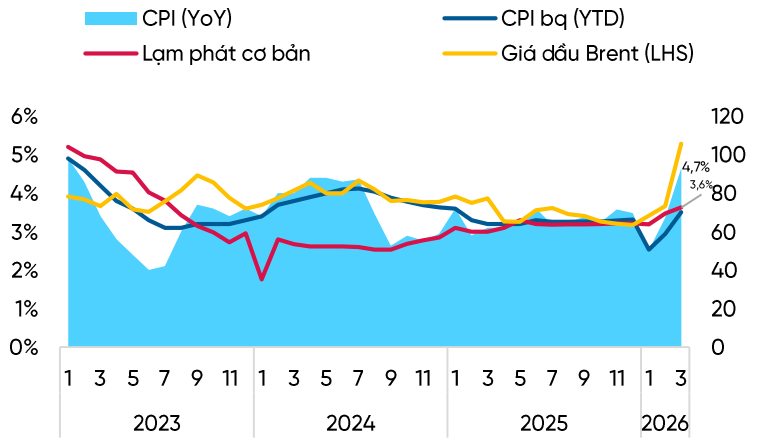
CHỈ SỐ PMI VÀ IIP



Chỉ số PMI sản xuất các tháng trong 1Q2026 duy trì ngưỡng **trên 50 điểm**. Chỉ số IIP 1Q2026 **tăng 9% yoy** (cùng kỳ tăng 8,30%). Động lực chính đến từ **công nghiệp chế biến chế tạo tăng 9,7%.**

Để cả năm 2026 hướng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số, **chỉ số IIP cần phấn đấu mức tăng trưởng cao hơn nữa trong các quý còn lại.** Các động lực tăng trưởng đến từ hoạt động đầu tư công (đường sắt, cao tốc, sân bay...), năng lượng và dịch vụ kinh tế số.

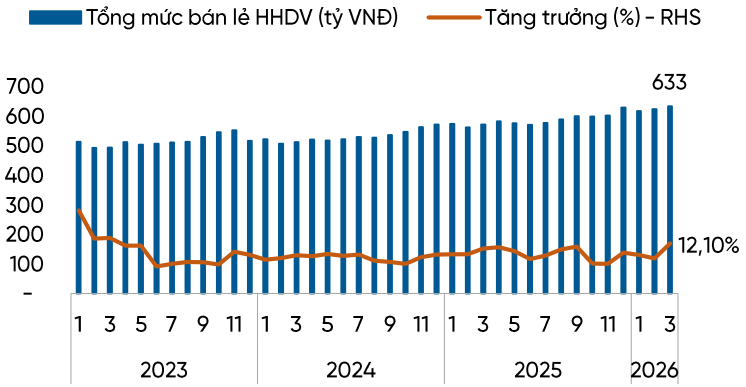
CPI VIỆT NAM VÀ GIÁ DẦU THẾ GIỚI



CPI tháng 3/2026 **tăng 4,65% yoy** (gần 100% mức tăng CPI tháng 3/2026 là do tăng giá xăng dầu). Tính chung 1Q2026, CPI **tăng 3,51% yoy;** lạm phát cơ bản **tăng 3,63%.** Theo các chuyên gia dự báo **giá xăng** trong nước **tăng/giảm 10%** sẽ làm **CPI tăng/giảm 0,4-0,6 điểm %.** Để duy trì mức lạm phát trong tầm kiểm soát, Chính phủ có thể hỗ trợ nền kinh tế, kiểm soát lạm phát thông qua các giải pháp như: ***(i)*** tiếp tục giảm thuế nhập khẩu xăng dầu (đã giảm về 0%), ***(ii)*** giảm thuế môi trường (đã giảm về 0%), ***(iii)*** tăng trợ giá ngay cả khi hết quỹ bình ổn (tạm ứng từ NSNN 8.000 tỷ đồng).

Kinh tế Việt Nam tiếp đà tăng trưởng, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao

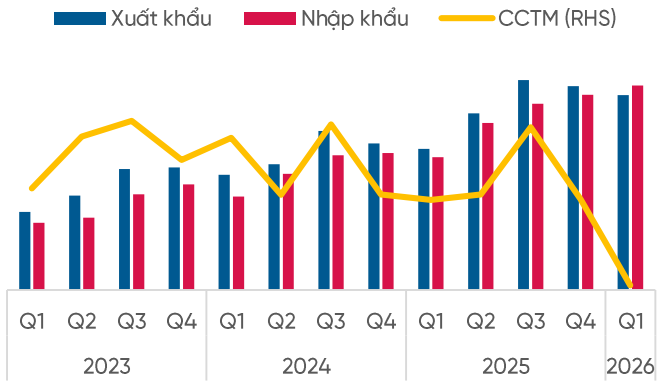
BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ



Bán lẻ HHDV 1Q2026 **tăng 10,9% yoy,** riêng tháng 3/2026 **tăng 12,1%, trong khi 2 tháng Tết đầu năm chỉ tăng 7,9%.** Tăng trưởng bán lẻ HHDV (tách lạm phát) tháng 3/2026 tăng 7% cho thấy dấu hiệu hồi phục nhưng chưa chắc chắn do người dân vẫn có tâm lý thận trọng trong chi tiêu, các nhóm dân cư thu nhập thấp và trung bình lo tăng tiết kiệm trước những bất ổn kinh tế, xu hướng tiêu dùng nhiều cho dịch vụ thay vì mua hàng hóa.

Khách quốc tế đến Việt Nam trong 1Q2026 duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, đạt **6,76 triệu lượt người (+12,4% yoy).**

XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CCTM

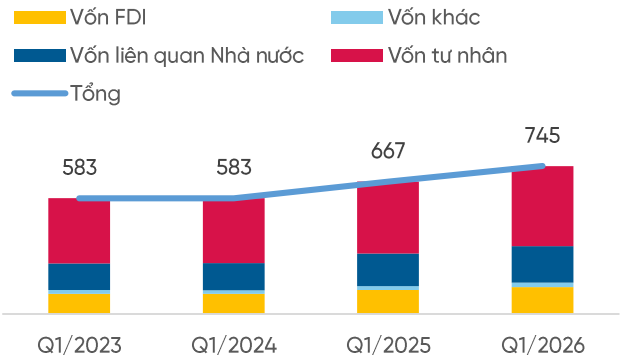


Cán cân thương mại 1Q2026 ghi nhận giá trị **nhập siêu 3,64 tỷ USD** (nguyên nhân chính do chi phí xăng dầu tăng cao và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp nội địa).

Trong đó, xuất khẩu đạt **122,93 tỷ USD (+19,1% yoy),** nhập khẩu đạt **126,57 tỷ USD (+27% yoy),** chủ yếu nhập máy tính, linh kiện điện tử, may mặc... từ các doanh nghiệp FDI.

Hoạt động xuất khẩu các quý còn lại trong năm 2026 được dự báo bớt bi quan so với các nhận định trước đó (1Q2026 xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng 24,3% yoy, chính sách thuế quan mềm mỏng hơn) nhưng vẫn còn nhiều thách thức (xuất khẩu sang EU yếu do chi phí gia tăng, ASEAN phải cạnh tranh hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc...).

VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN



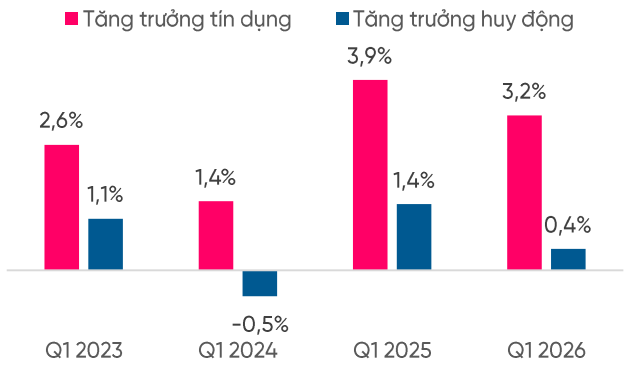
FDI đăng ký 1Q2026 đạt **15,2 tỷ USD** (+42,9% yoy). FDI thực hiện đạt **5,41 tỷ USD** (+9,1% yoy) và phần lớn giải ngân vào lĩnh vực **chế biến chế tạo, năng lượng và bất động sản.**

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, đến hết ngày 31/03/2026, kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 của cả nước đạt **11% kế hoạch** Thủ tướng Chính phủ giao, so với cùng kỳ năm 2025 cao hơn 1,2% về tỷ lệ và cao hơn khoảng gần 30 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối.

Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính, Worldbank, Fulbright, EIU, Bộ Công thương

Một số đánh giá về chính sách tiền tệ, diễn biến lãi suất, tỷ giá

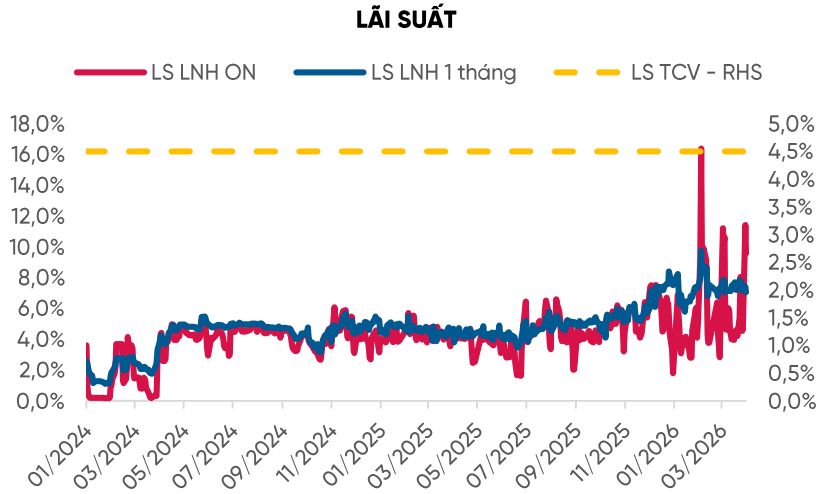
TÍN DỤNG VÀ NGUỒN VỐN

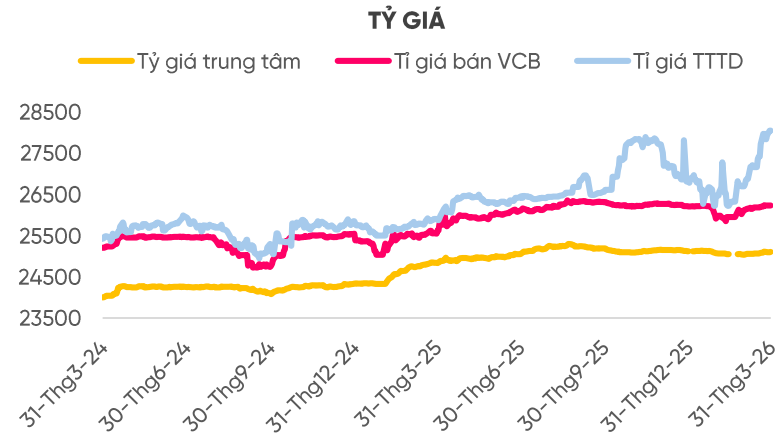


Nguồn: NHNN, Cục thống kê
Dữ liệu tăng trưởng huy động 1Q2026 tại 24/03/2026

- Tín dụng 1Q2026 vẫn duy trì mức tăng trưởng tốt **(+3,18% ytd)** so với bình quân các năm gần đây, việc tích cực giải ngân ngay từ đầu năm đã giúp hỗ trợ tích cực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ.
- Huy động thị trường 1 tăng **0,4% ytd**, chủ yếu là tiền gửi từ tổ chức kinh tế. **Gap giữa tín dụng và huy động tiếp tục duy trì ở mức cao** khiến áp lực thanh khoản hệ thống tiếp tục căng thẳng.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT, TỶ GIÁ





- Kinh tế thế giới vẫn tăng trưởng, nhưng đà phục hồi kém đồng đều. Báo cáo tháng 3/2026 của OECD dự báo GDP toàn cầu năm 2026 ở 2,9%, Mỹ 2,0%, Trung Quốc 4,4%, Eurozone 0,8%; đồng thời nhấn mạnh cú sốc năng lượng từ Trung Đông làm tăng lạm phát và kéo giảm tăng trưởng. Tại cuộc họp ngày 18/3/2026, Fed giữ lãi suất mục tiêu ở 3,50–3,75% và có thể xem xét 1 lần giảm lãi suất trong năm 2026.
- Thanh khoản thị trường liên ngân hàng cho thấy dấu hiệu căng cục bộ theo thời điểm. Lãi suất qua đêm dao động rất mạnh trong 1Q2026: đáy 2,78% (21/01/2026), đỉnh 16,39% (03/02/2026), chốt quý ở 9,57% (31/03/2026). Bình quân theo tháng: tháng 1: 4,35%, tháng 2: 7,05%, tháng 3: 6,32%.
- Lãi suất huy động thị trường 1 tăng tương đối mạnh, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn thấp hơn tín dụng toàn ngành.
- Việc lãi suất huy động thị trường 1 tăng đã giúp hỗ trợ ổn định tỷ giá VND/USD. Tuy nhiên tác động của giá dầu và xung đột Trung Đông khiến đồng USD mạnh lên gây áp lực ngược lại, tỷ giá trung tâm tăng 2,16% so với đầu năm. Các tháng còn lại năm 2026, tỷ giá vẫn chịu áp lực do nhu cầu nhập khẩu xăng dầu, hoạt động của các doanh nghiệp nội địa (1Q2026 nhập siêu 10,7 tỷ USD)....

Chính sách tiền tệ năm 2026 dự báo theo hướng linh hoạt ưu tiên ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống dự kiến tăng **15% và có thể điều chỉnh căn cứ theo nhu cầu vốn của nền kinh tế**.

46 NHTM cam kết kiểm soát **lãi suất** ở ngưỡng hợp lý nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh và đầu tư công. Lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên được điều hành duy trì ở mức phù hợp hỗ trợ nền kinh tế.

Tỷ giá 2Q2026 nhiều khả năng sẽ căng thẳng như năm 2025, sau đó có thể hạ nhiệt vào cuối năm, phụ thuộc chủ yếu vào tình hình xung đột Trung Đông; nhu cầu ngoại tệ vẫn chịu áp lực lớn.

Xuất khẩu dự kiến sẽ khả quan hơn so với các dự báo trước đó nhưng vẫn còn nhiều thách thức: nhu cầu của các nền kinh tế lớn (Mỹ) hồi phục, diễn biến thuế quan đang có lợi cho các nước xuất khẩu, tuy nhiên tâm lý bi quan của người tiêu dung (đặc biệt khu vực Euro zone) và hàng hóa giá rẻ Trung Quốc sẽ tác động lới tới hoạt động xuất khẩu trong các tháng còn lại.





Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

05 PHỤ LỤC

VietinBank đẩy mạnh 05 trọng tâm chiến lược trong năm 2026



1 **ĐA DẠNG HÓA DOANH THU VÀ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG**
Tăng trưởng bền vững, đa dạng hóa nguồn thu nhập và đẩy mạnh tăng trưởng nguồn vốn

2 **TRỞ THÀNH NGÂN HÀNG PHỤC VỤ CHÍNH CỦA KHÁCH HÀNG TRỌNG TÂM**
Tập trung khai thác sâu khách hàng, mục tiêu tăng CASA và tăng thu phí dịch vụ lõi

3 **TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HIỆU QUẢ KÊNH BÁN**
Xác định "kênh số là kênh chính", tái cấu trúc kênh vật lý theo hướng năng suất

4 **NÂNG CAO HIỆU QUẢ QTRR VÀ THU HỒI NỢ**
Kiểm soát chất lượng tín dụng, đẩy mạnh thu hồi nợ theo hướng chủ động, kỷ luật và số hóa

5 **THÚC ĐẨY SÁNG KIẾN KINH DOANH MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TẠI TRỤ SỞ CHÍNH**
Thúc đẩy đổi mới để tạo dòng doanh thu mới, tăng cường hợp tác các đối tác, tăng năng lực thực thi

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026

CHỈ TIÊU (riêng lẻ)	KẾ HOẠCH
Doanh thu	**179.673 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế	**34.080 tỷ đồng**
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	**17,95%**
Tỷ lệ nợ xấu	**≤ 1,8%**
Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn	**≤ 1,6%**





Mục lục

01 NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ I/2026

02 CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ I/2026

03 CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG

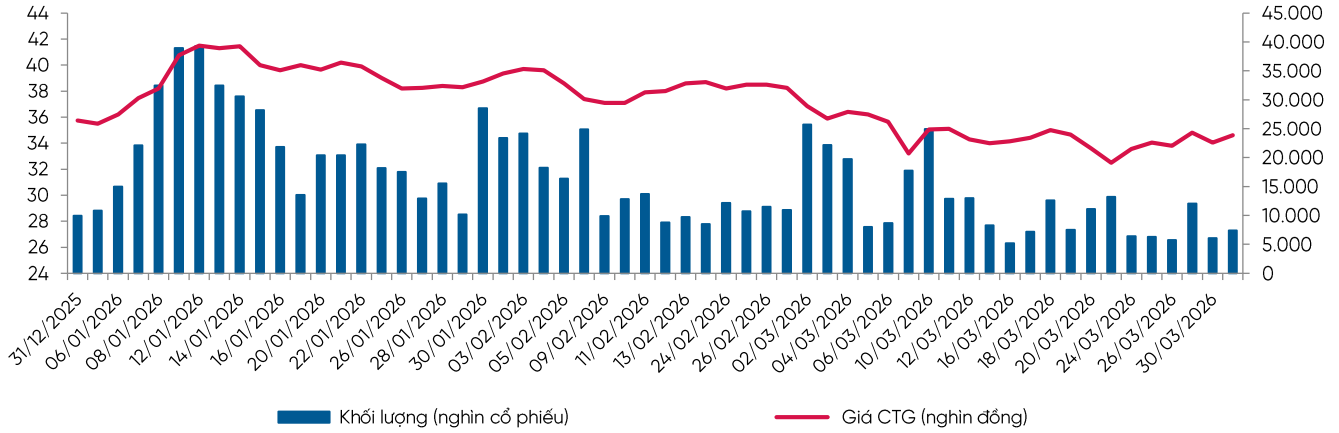
04 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

05 PHỤ LỤC

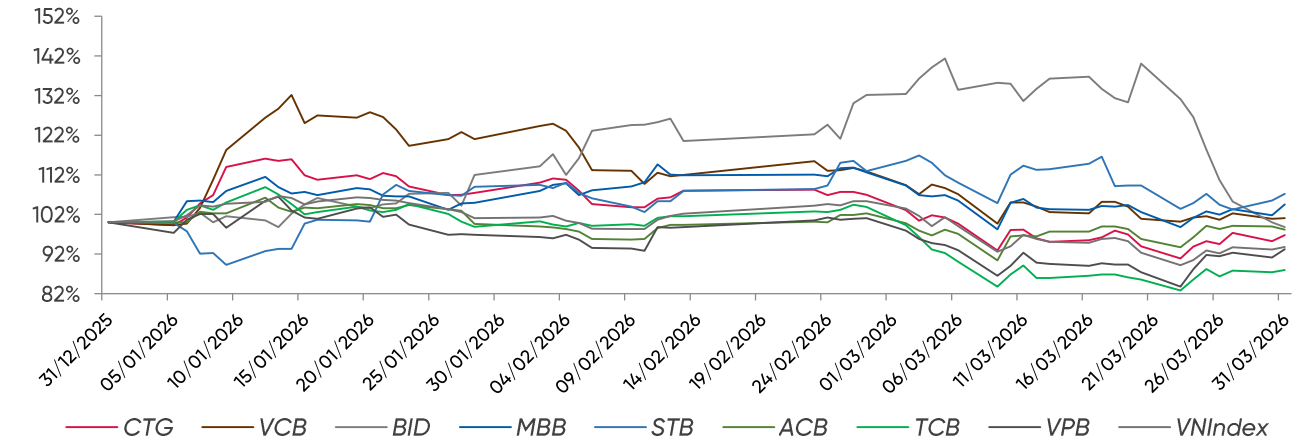
Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
Giá phiên giao dịch đầu năm 2026 (05/01/2026)	35.500 đồng/cp
Giá phiên giao dịch cuối 1Q2026 (31/03/2026)	34.600 đồng/cp
Biến động giá trong 1Q2026	-900 đồng (-2,54%)
Khối lượng giao dịch trong 1Q2026	929.648.245 cp
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong 1Q2026	Bán ròng 15.528.200 cp
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/03/2026)	25,33%
EPS lũy kế	1.1148 đồng/cp
P/E	30,14x
BVPS (31/03/2026)	24.294 đồng/cp
P/B (31/03/2026)	1,42x

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CTG



TĂNG TRƯỞNG CỦA VN-INDEX VÀ CÁC CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG



Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2023 kiểm toán	2024 kiểm toán	2025 kiểm toán	1Q2025	1Q2026	1Q2026 vs. 2025	1Q2026 vs. 1Q2025
TÀI SẢN							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	9.760	11.148	12.583	11.518	12.296	-2,3%	6,8%
Tiền gửi tại NHNN	40.597	34.432	35.226	13.043	21.355	-39,4%	63,7%
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	279.842	378.483	476.488	406.579	600.736	26,1%	47,8%
Chứng khoán kinh doanh	2.488	2.799	2.942	3.067	3.580	21,7%	16,7%
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	228	0	0	-100,0%	0%
Cho vay khách hàng	1.473.345	1.721.955	1.992.273	1.800.459	2.028.495	1,8%	12,7%
DPRR cho vay khách hàng	(27.773)	(36.664)	(34.810)	(38.269)	(34.436)	-1,1%	-10,0%
Chứng khoán đầu tư	181.211	214.607	211.880	215.370	209.371	-1,2%	-2,8%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.426	3.934	4.428	4.071	4.515	2,0%	10,9%
Tài sản cố định	10.126	10.002	10.827	9.801	10.766	-0,6%	9,9%
Tài sản có khác	59.593	44.693	55.634	44.224	67.500	21,3%	52,6%
Tổng tài sản có	**2.032.614**	**2.385.388**	**2.767.699**	**2.469.863**	**2.924.177**	5,7%	18,4%
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	21.814	154.284	144.592	138.575	244.904	69,4%	76,7%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	304.322	276.141	417.724	309.039	462.376	10,7%	49,6%
Tiền gửi của khách hàng	1.410.899	1.606.317	1.793.732	1.621.227	1.824.177	1,7%	12,5%
Công cụ TC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	556	391	0	0	0	0%	0%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	2.238	2.180	2.114	2.115	2.062	-2,4%	-2,5%
Phát hành giấy tờ có giá	115.376	151.678	174.030	203.356	149.265	-14,2%	-26,6%
Các khoản nợ khác	51.537	45.892	55.852	41.036	52.351	-6,3%	27,6%
Tổng nợ phải trả	**1.906.742**	**2.236.883**	**2.588.044**	**2.315.881**	**2.735.485**	5,7%	18,1%
Vốn của TCTD	63.511	63.584	88.219	63.584	88.219	0,0%	38,7%
Trong đó: Vốn điều lệ	53.700	*53.700*	*77.669*	*53.700*	*77.669*	0,0%	44,6%
Quỹ của TCTD	19.044	25.317	31.654	25.314	31.661	0,0%	25,1%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	87	243	363	230	431	18,8%	87,7%
Lợi nhuận chưa phân phối	42.369	58.390	58.213	63.803	67.132	15,3%	5,2%
Vốn chủ sở hữu	**125.872**	**148.505**	**179.655**	**153.982**	**188.692**	5,0%	22,5%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	861	971	1.206	1.051	1.249	3,6%	18,9%
Tổng nợ phải trả và nguồn vốn	**2.032.614**	**2.385.388**	**2.767.699**	**2.469.863**	**2.924.177**	5,7%	18,4%

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2023 kiểm toán	2024 kiểm toán	2025 kiểm toán	1Q2025	1Q2026	1Q2026 vs. 1Q2025
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	132.672	124.461	143.142	32.684	41.673	27,5%
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(79.714)	(62.058)	(76.689)	(17.209)	(22.287)	29,5%
Thu nhập lãi thuần	**52.957**	**62.403**	**66.453**	**15.475**	**19.385**	25,3%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.385	12.233	12.351	2.875	3.462	20,4%
Chi phí hoạt động dịch vụ	(5.271)	(5.537)	(6.022)	(1.264)	(1.615)	27,8%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	7.114	6.696	6.329	1.611	1.847	14,7%
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	4.248	4.197	3.121	913	1.085	18,8%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	293	92	704	238	23	-90,3%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(154)	(288)	153	91	392	331,4%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	5.803	8.419	10.095	2.002	2.265	13,1%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	287	391	440	123	105	-15,2%
Thu ngập ngoài lãi	17.591	19.506	20.842	4.978	5.716	14,8%
Tổng thu nhập	**70.548**	**81.909**	**87.295**	**20.453**	**25.102**	22,7%
Chi phí hoạt động	(20.443)	(22.546)	(26.553)	(5.519)	(6.261)	13,4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR TD	**50.105**	**59.363**	**60.742**	**14.934**	**18.840**	26,2%
Chi phí DPRR tín dụng	(25.115)	(27.599)	(17.298)	(8.111)	(7.701)	-5,1%
Tổng lợi nhuận trước thuế	**24.990**	**31.764**	**43.444**	**6.823**	**11.139**	63,3%
Chi phí thuế TNDN	(4.945)	(6.281)	(8.573)	(1.324)	(2.179)	64,6%
Lợi nhuận sau thuế	**20.045**	**25.483**	**34.871**	**5.499**	**8.960**	62,9%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(141)	(134)	(267)	(81)	(43)	-46,5%
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	**19.904**	**25.348**	**34.604**	**5.419**	**8.917**	64,6%

Công thức tính các chỉ số tài chính

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	CÔNG THỨC TÍNH
Tỷ lệ nợ xấu	Nợ xấu/ Dư nợ cho vay khách hàng
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	DPRR cho vay khách hàng/ Nợ xấu
Tài sản thanh khoản cao	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + Tiền gửi tại NHNN + Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác + TPCP
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tài sản thanh khoản cao/ Tổng nợ phải trả
ROA	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân
ROE	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
NIM	Thu nhập lãi thuần/ Tài sản sinh lời bình quân
COF	Chi phí lãi/ Công nợ lãi phải trả bình quân
CIR	Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động

Tìm hiểu về VietinBank qua các ấn phẩm khác

(Click tại các tiêu đề/ảnh minh họa dưới đây để truy nhập link ▼)

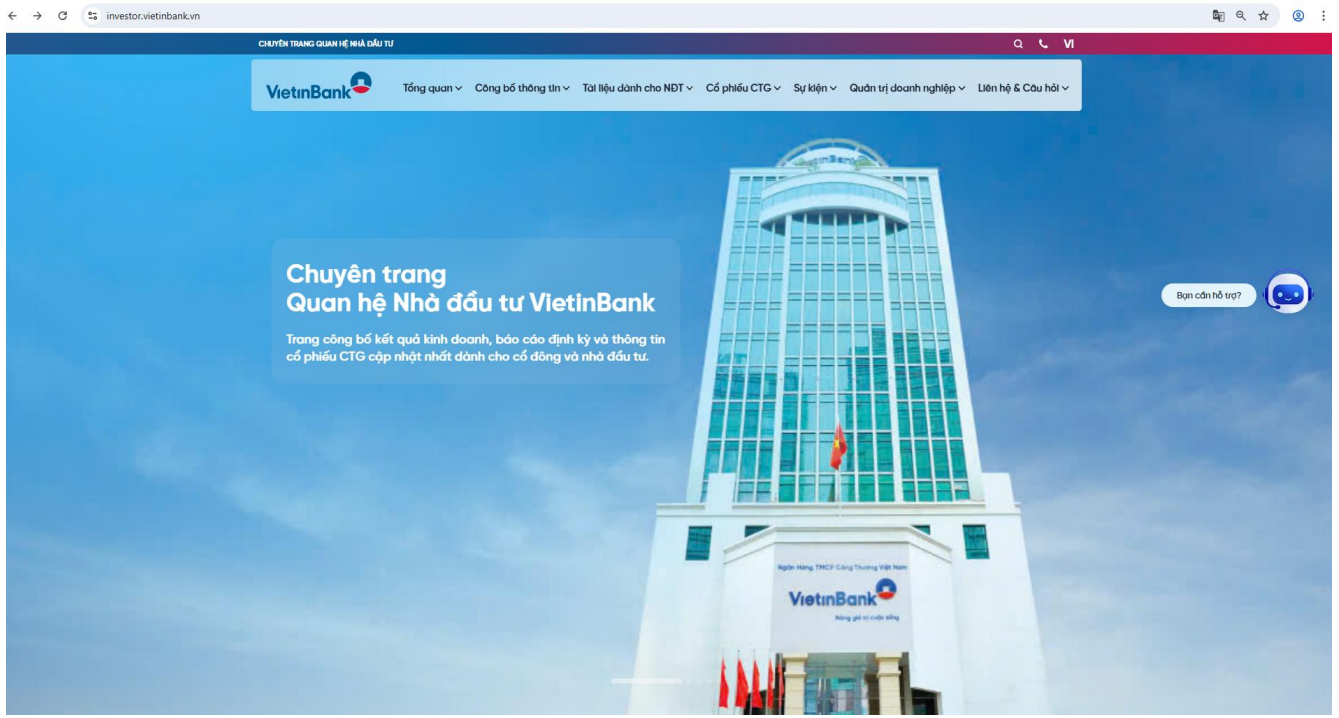
ĐIỂM TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HÀNG QUÝ)

Tại đây



Website: www.investor.vietinbank.vn

Tại đây



Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư -
Ban Thư ký HĐQT&QHCĐ - Văn phòng HĐQT

Số 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

0243 9413622

investor@vietinbank.vn

VietinBank

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.

Xin trân trọng cảm ơn!

